

NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Alphanam E&C;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Alphanam E&C Ngày 25 tháng 04 năm 2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

1. Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022.
3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022.
4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.
5. Phương án không phân phối lợi nhuận năm 2022.
6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.
7. Không chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022, 2023.
8. Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát. Danh sách Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 kể từ ngày 25/04/2023 gồm:
 - Bà Bùi Kim Yên – Trưởng Ban kiểm soát
 - Bà Nguyễn Thị Hải Yên – Thành viên Ban kiểm soát
 - Ông Đàm Văn Hán – Thành viên Ban kiểm soát
9. Bầu lại (Tái bổ nhiệm) thành viên HĐQT. Danh sách HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 kể từ ngày 25/04/2023 gồm:
 - Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chủ tịch HĐQT
 - Ông Nguyễn Minh Nhật – Thành viên HĐQT
 - Ông Nguyễn Anh Quân – Thành viên HĐQT
10. Ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi.
11. Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các Khối/Ban/Phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BKS;
- Lưu VP.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Bùi Hoàng Tuấn



BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

I. CÁC THÔNG TIN CHUNG CỦA ĐẠI HỘI

1. Thông tin Doanh nghiệp:

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**
- Mã số doanh nghiệp: 0100520683
- Địa chỉ trụ sở: Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam.

2. Thời gian và địa điểm:

- Thời gian tiến hành Đại hội: 08h00 phút, Ngày 25 tháng 04 năm 2023
- Địa điểm: Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

3. Mục đích:

Cổ đông dự họp sẽ bàn bạc và thảo luận các vấn đề của Công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Thành phần tham dự:

a. Ban Kiểm tra tư cách Đại biểu:

- Trưởng ban: Bà Đinh Thị Sơn Mỹ
- Thành viên: Bà Nguyễn Thị Hải Yên

b. Các cổ đông:

Tổng số cổ đông tham dự họp: 06 cổ đông, sở hữu 61.387.367 cổ phần chiếm tỷ lệ 94,15% tổng số phiếu có quyền biểu quyết. (Danh sách cổ đông đính kèm)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Alphanam E&C có đủ điều kiện để tiến hành họp.

c. Chủ tọa và Thư ký Đại hội:

Đại hội đã tiến hành thông qua các ông/bà sau làm Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch và Thư ký đại hội:

- Chủ tọa: Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chủ tịch HĐQT
- Thư ký: Bà Đinh Thị Sơn Mỹ
- Đoàn chủ tịch gồm:
 - Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chủ tịch HĐQT
 - Ông Nguyễn Minh Nhật – Thành viên HĐQT



- Bà Trương Thị Thu Hiền – Tổng Giám đốc

d. Ban Kiểm phiếu:

Đại hội đã tiến hành thông qua các ông/bà sau vào Ban Kiểm phiếu:

- Trưởng ban: Bà Đinh Thị Sơn Mỹ
- Thành viên: Bà Nguyễn Thị Hải Yến

II. CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI:

Đại diện Ban tổ chức đã thông qua Chương trình Đại hội. Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua Chương trình đại hội.

III. NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

1. Báo cáo của Ban điều hành về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chủ tịch HĐQT thay mặt Hội đồng quản trị và Ban điều hành báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022
1	Tổng tài sản	3.450.000.000.000	2.145.254.708.075
2	Doanh thu thuần	2.280.000.000.000	2.213.252.011.607
3	Lợi nhuận sau thuế	25.300.000.000	20.845.680.117

Theo Báo cáo tài chính riêng năm 2022

1.2 Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023
1	Tổng tài sản	2.145.254.708.075	2.165.874.237.583
2	Doanh thu thuần	2.213.252.011.607	1.697.662.228.352
3	Lợi nhuận sau thuế	20.845.680.117	20.619.529.508

2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chủ tịch HĐQT thay mặt Hội đồng quản trị báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

Bà Bùi Kim Yến – Trưởng Ban kiểm soát đại diện Ban kiểm soát báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Các vấn đề biểu quyết tại Đại hội

- Ban tổ chức Đại hội đã thông qua Quy chế biểu quyết tại Đại hội.
- Ban tổ chức Đại hội đã đọc 11 Tờ trình đề Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua.
- Đại hội đã tiến hành biểu quyết theo hình thức điền Phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu đã tiến hành kiểm Phiếu biểu quyết.
- Trưởng ban Kiểm phiếu đã đọc và thông qua Biên bản kiểm phiếu trước Đại hội chi tiết như sau:

- Tổng số phiếu phát ra : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Tổng số phiếu thu về : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Tổng số phiếu hợp lệ : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Tổng số phiếu không hợp lệ : 0 phiếu, chiếm: 0%

4.1 Tờ trình số 01 - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

4.2 Tờ trình số 02 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022.

4.3 Tờ trình số 03 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022.

4.4 Tờ trình số 04 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.

4.5 Tờ trình số 05 - Phương án không phân phối lợi nhuận năm 2022

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án không phân phối lợi nhuận năm 2022.

4.6 Tờ trình số 06- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

4.7 Tờ trình số 07 – Phương án không chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và 2023

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án không chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và 2023.

4.8 Tờ trình số 08 – Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

4.9 Tờ trình số 09 – Bầu lại thành viên HĐQT

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc bầu lại thành viên HĐQT.

4.10 Tờ trình số 10 – Ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc Ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi.

4.11 Tờ trình số 11 – Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi.

5. Bầu cử thành viên Ban Kiểm soát

- Ban tổ chức Đại hội đã thông qua Quy chế bầu cử tại Đại hội.
- Ban tổ chức Đại hội đã đọc Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên tại Đại hội.
- Đại hội đã tiến hành bầu cử theo hình thức bầu dồn phiếu.
- Ban Kiểm phiếu đã tiến hành kiểm Phiếu bầu cử.
- Trưởng ban Kiểm phiếu đã đọc và thông qua Biên bản kiểm Phiếu bầu cử trước Đại hội chi tiết như sau:

- Tổng số phiếu phát ra : 184.162.101 phiếu, chiếm 100%
- Tổng số phiếu thu về : 184.162.101 phiếu, chiếm 100%
- Tổng số phiếu hợp lệ : 184.162.101 phiếu, chiếm 100%
- Tổng số phiếu không hợp lệ : 0 phiếu, chiếm: 0%

5.1 Ứng cử viên số 1 – Ông Đàm Văn Hán

- Tổng số phiếu tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 33,33%
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm: 0%
- Tổng số phiếu không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, ông Đàm Văn Hán đã trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Alphanam E&C nhiệm kỳ 2023 – 2028.

5.2 Ứng cử viên số 2 – Bà Bùi Kim Yên

- Tổng số phiếu tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 33,33%
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm: 0%
- Tổng số phiếu không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, bà Bùi Kim Yên đã trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Alphanam E&C nhiệm kỳ 2023 – 2028.

5.3 Ứng cử viên số 3 – Bà Nguyễn Thị Hải Yên

- Tổng số phiếu tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 33,33%
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm: 0%
- Tổng số phiếu không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, bà Nguyễn Thị Hải Yên đã trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Alphanam E&C nhiệm kỳ 2023 – 2028.

6. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

- Ban tổ chức Đại hội đã thông qua Quy chế bầu cử tại Đại hội.
- Ban tổ chức Đại hội đã đọc Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên tại Đại hội.
- Đại hội đã tiến hành bầu cử theo hình thức bầu dồn phiếu.
- Ban Kiểm phiếu đã tiến hành kiểm Phiếu bầu cử.
- Trưởng ban Kiểm phiếu đã đọc và thông qua Biên bản kiểm Phiếu bầu cử trước Đại hội chi tiết như sau:

- Tổng số phiếu phát ra : 184.162.101 phiếu, chiếm 100%
- Tổng số phiếu thu về : 184.162.101 phiếu, chiếm 100%
- Tổng số phiếu hợp lệ : 184.162.101 phiếu, chiếm 100%
- Tổng số phiếu không hợp lệ : 0 phiếu, chiếm: 0%

6.1 Ứng cử viên số 1 – Ông Bùi Hoàng Tuấn

- Tổng số phiếu tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 33,33%
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm: 0%
- Tổng số phiếu không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, ông Bùi Hoàng Tuấn đã trúng cử Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Alphanam E&C nhiệm kỳ 2023 – 2028.

6.2 Ứng cử viên số 3 – Ông Nguyễn Anh Quân

- Tổng số phiếu tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 33,33%
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm: 0%
- Tổng số phiếu không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, ông Nguyễn Anh Quân đã trúng cử Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Alphanam E&C nhiệm kỳ 2023 – 2028.

6.3 Ứng cử viên số 2 – Ông Nguyễn Minh Nhật

- Tổng số phiếu tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 33,33%
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm: 0%
- Tổng số phiếu không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, ông Nguyễn Minh Nhật đã trúng cử Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Alphanam E&C nhiệm kỳ 2023 – 2028.

IV. Ý KIẾN CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI

Không có cổ đông nào có ý kiến khác.

V. THÔNG QUA BIÊN BẢN HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Bà Đinh Thị Sơn Mỹ - Thư ký Đại hội đã đọc Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tại Đại hội. Tất cả các Đại biểu đã biểu quyết 100% thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Alphanam E&C.

Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chủ tọa đã tuyên bố bế mạc Đại hội vào hồi 10h30 phút cùng ngày.

THƯ KÝ

Đinh Thị Sơn Mỹ

CHỦ TỌA
CHỦ TỊCH HĐQT



Bùi Hoàng Tuấn





BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU
(Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

Vào hồi 08h00, Ngày 25 tháng 04 năm 2023, tại Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam, Ban kiểm tra tư cách đại biểu gồm:

- Trưởng ban: Bà Đinh Thị Sơn Mỹ
- Thành viên: Bà Nguyễn Thị Hải Yến

Theo quy định của Pháp luật, Ban kiểm tra tư cách đại biểu đã tiến hành kiểm tra tư cách các đại biểu tới dự Đại hội với kết quả như sau:

I. Đại biểu tham dự hợp lệ:

Số lượng Đại biểu tham gia:	6
Trong đó tham gia trực tiếp:	01
Số lượng Đại biểu ủy quyền:	05
Đại diện cho:	61.387.367 cổ phần
Chiếm:	94,15% số cổ phần có quyền biểu quyết

II. Số lượng cổ đông vắng mặt

Số lượng cổ đông:	366
Đại diện cho:	3.812.633 cổ phần
Chiếm:	5,85% số cổ phần có quyền biểu quyết

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Alphanam E&C năm 2023 với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Báo cáo kiểm tra tư cách Đại biểu được lập hồi 08h15 Ngày 25 tháng 04 năm 2023 và đã được báo cáo công khai trước Đại hội.

Hung Yên, ngày 25 tháng 04 năm 2023

TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU

TRƯỞNG BAN

Đinh Thị Sơn Mỹ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU

Nguyễn Thị Hải Yến

Đinh Thị Sơn Mỹ



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

STT	Họ tên cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Số cổ phiếu Ủy quyền		Số phiếu bầu
			Người được ủy quyền	Số cổ phần được UQ	
1	Công ty cổ phần đầu tư ALPHANAM	54.120.210	Nguyễn Minh Nhật	54.120.210	54.120.210
2	Nguyễn Minh Nhật	2.816.815			2.816.815
3	Công ty cổ phần Alphanam	3.960.170	Nguyễn Minh Nhật	3.960.170	3.960.170
4	Nguyễn Thị Kim Ngân	329.100	Bùi Hoàng Tuấn	329.100	329.100
5	Đỗ Xuân Tiến	6.600	Bùi Hoàng Tuấn	6.600	6.600
6	Nguyễn Hữu Việt	154.472	Bùi Hoàng Tuấn	154.472	154.472
	TỔNG (06 CỔ ĐÔNG)	61.387.367			61.387.367



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ALPHANAM E&C**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---o0o---

Hưng Yên, ngày 25 tháng 04 năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Vào hồi 9h30, ngày 25 tháng 04 năm 2023, tại Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Ban kiểm phiếu gồm:

Bà: Đinh Thị Sơn Mỹ

Chức vụ : Trưởng ban Kiểm phiếu

Bà: Nguyễn Thị Hải Yến

Chức vụ: Thành viên

Tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết và bầu cử thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Alphanam E&C tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Số lượng Đại biểu tham gia:	6
<i>Trong đó tham gia trực tiếp</i>	1
Số lượng Đại biểu ủy quyền:	5
Đại diện cho:	61.387.367 cổ phần
Chiếm:	94,15% số cổ phần có quyền biểu quyết

Kết quả kiểm phiếu cho từng nội dung như sau:

I. Các nội dung Biểu quyết:

- Tổng số phiếu phát ra : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Tổng số phiếu thu về : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Tổng số phiếu hợp lệ : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Tổng số phiếu không hợp lệ : 0 phiếu, chiếm: 0%

1.1 Tờ trình số 01 - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

1.2 Tờ trình số 02 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022.

1.3 Tờ trình số 03 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022



- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022.

1.4 Tờ trình số 04 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.

1.5 Tờ trình số 05 - Phương án không phân phối lợi nhuận năm 2022

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án không phân phối lợi nhuận năm 2022.

1.6 Tờ trình số 06- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

1.7 Tờ trình số 07 – Phương án không chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và 2023

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án không chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và 2023.

1.8 Tờ trình số 08 – Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

1.9 Tờ trình số 09 – Bầu lại thành viên HĐQT

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

9
T
O
I
A
X
U

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc bầu lại thành viên HĐQT.

1.10 Tờ trình số 10 – Ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc Ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi.

1.11 Tờ trình số 11 – Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi

- Tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 100%
- Không tán thành : 0 phiếu, chiếm: 0%
- Không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi.

II. Bầu cử thành viên Ban Kiểm soát

- Tổng số phiếu phát ra : 184.162.101 phiếu, chiếm 100%
- Tổng số phiếu thu về : 184.162.101 phiếu, chiếm 100%
- Tổng số phiếu hợp lệ : 184.162.101 phiếu, chiếm 100%
- Tổng số phiếu không hợp lệ : 0 phiếu, chiếm: 0%

1.12 Ứng cử viên số 1 – Ông Đàm Văn Hán

- Tổng số phiếu tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 33,33%
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm: 0%
- Tổng số phiếu không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, ông Đàm Văn Hán đã trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Alphanam E&C nhiệm kỳ 2023 – 2028.

1.13 Ứng cử viên số 2 – Bà Bùi Kim Yến

- Tổng số phiếu tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 33,33%
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm: 0%
- Tổng số phiếu không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, bà Bùi Kim Yến đã trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Alphanam E&C nhiệm kỳ 2023 – 2028.

1.14 Ứng cử viên số 3 – Bà Nguyễn Thị Hải Yến

- Tổng số phiếu tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 33,33%
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm: 0%
- Tổng số phiếu không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, bà Nguyễn Thị Hải Yến đã trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Alphanam E&C nhiệm kỳ 2023 – 2028.

III. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

- Tổng số phiếu phát ra : 184.162.101 phiếu, chiếm 100%
- Tổng số phiếu thu về : 184.162.101 phiếu, chiếm 100%
- Tổng số phiếu hợp lệ : 184.162.101 phiếu, chiếm 100%
- Tổng số phiếu không hợp lệ : 0 phiếu, chiếm: 0%

- a. **Ứng cử viên số 1** – Ông Bùi Hoàng Tuấn
- Tổng số phiếu tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 33,33%
 - Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm: 0%
 - Tổng số phiếu không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, ông Bùi Hoàng Tuấn đã trúng cử Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Alphanam E&C nhiệm kỳ 2023 – 2028.

- b. **Ứng cử viên số 3** – Ông Nguyễn Anh Quân
- Tổng số phiếu tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 33,33%
 - Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm: 0%
 - Tổng số phiếu không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, ông Nguyễn Anh Quân đã trúng cử Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Alphanam E&C nhiệm kỳ 2023 – 2028.

- c. **Ứng cử viên số 2** – Ông Nguyễn Minh Nhật
- Tổng số phiếu tán thành : 61.387.367 phiếu, chiếm: 33,33%
 - Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm: 0%
 - Tổng số phiếu không ý kiến : 0 phiếu, chiếm: 0%

Như vậy, ông Nguyễn Minh Nhật đã trúng cử Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Alphanam E&C nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Biên bản được lập lúc 10h15 ngày 25/04/2023 và đã được thông qua trước Đại hội hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Alphanam E&C năm 2023.

Ngày 25 tháng 04 năm 2023

TRƯỞNG BAN


ĐINH THỊ SƠN MỸ



THÔNG BÁO MỜI HỌP
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Alphanam E&C trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Alphanam E&C:

1. **Thời gian:** 8 giờ 00 phút, Ngày 25 tháng 04 năm 2023.
2. **Địa điểm:** Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam..
3. **Chương trình họp:** Theo Chương trình đính kèm.

Kính mong sự quan tâm và tham dự đầy đủ của Quý Cổ đông.

Tài liệu đính kèm:

- Giấy đăng ký tham dự;
- Giấy ủy quyền tham dự;
- Chương trình họp (dự kiến).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Bùi Hoàng Tuấn

Ghi chú:

- Quý Cổ đông tự chịu mọi chi phí đi lại, ăn ở trong thời gian diễn ra Đại hội;
- Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội cần mang theo Thông báo mời họp và CMND/CCCD/ĐKDN/Hộ chiếu. Trường hợp Quý Cổ đông không trực tiếp đến tham dự, xin vui lòng ủy quyền cho người khác tham dự theo mẫu Giấy ủy quyền của Công ty.
- Các thông tin chi tiết vui lòng xem trên trang thông tin điện tử của Công ty: <http://alphanamec.com.vn>



CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Thời gian tổ chức: Từ 08h00 đến 10h00, Ngày 25 tháng 04 năm 2023.

Địa điểm: Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Chương trình dự kiến:

Thời gian	Nội dung
8:00 – 8:15	Đón tiếp Đại biểu. Kiểm tra tư cách Cổ đông. Phát tài liệu cho Đại biểu dự họp.
8:15 – 8:20	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội. Giới thiệu đoàn Chủ tịch, Ban thư ký. Công bố chương trình làm việc tại Đại hội. Biểu quyết thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu. Giới thiệu và biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức Đại hội.
8:20 – 9:00	Trình bày các Tờ trình của HĐQT trước Đại hội: <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của Hội đồng quản trị.- Báo cáo của Ban điều hành.- Báo cáo của Ban kiểm soát.- Tờ trình về việc thông qua BCTC năm 2022 đã được kiểm toán.- Tờ trình về việc phương án không phân phối lợi nhuận năm 2022.- Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.- Tờ trình về thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023.- Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.- Tờ trình bầu lại thành viên HĐQT- Tờ trình ban hành điều lệ Công ty sửa đổi.- Tờ trình ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi
9:00 - 9:45	Thảo luận về các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội.
9:45 - 9:50	Biểu quyết thông qua các Báo cáo và các Tờ trình.
9:50 - 9:55	Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
9:55 - 10:00	Bế mạc Đại hội.



GIẤY ỦY QUYỀN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội

I. BÊN ỦY QUYỀN

Họ và tên Cổ đông:

Mã cổ đông:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Số cổ phần sở hữu:

Tỉ lệ cổ phần sở hữu:

Người đại diện quản lý phần vốn góp (đối với cổ đông là tổ chức):

Địa chỉ/Trụ sở:

Điện thoại:

II. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN: (đánh dấu x để chọn)

Ông: **Bùi Hoàng Tuấn**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Số CCCD: 027063000137 Ngày cấp: 15/09/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Số cổ phần nhận ủy quyền: Cổ phần

Ông/Bà

Chức vụ:

Số CMND/CCCD: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Số cổ phần nhận ủy quyền: Cổ phần

III. PHẠM VI ỦY QUYỀN:

1. Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Alphanam E&C và thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ tại Đại hội liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.
2. Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty.

....., ngày.....tháng.....năm 2023

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Công ty Cổ phần Alphanam E&C

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội

Họ và tên Cổ đông:

Người đại diện quản lý phần vốn góp (đối với cổ đông là tổ chức):

Mã cổ đông:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú/Trụ sở:

Số cổ phần sở hữu:

Tỉ lệ cổ phần sở hữu:

Bằng văn bản này, tôi/chúng tôi xác nhận có tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Alphanam E&C tại Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

....., ngày.....tháng.....năm 2023

CỔ ĐÔNG THAM DỰ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú:

Kính đề nghị Quý Cổ đông gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông về Công ty trước 17h ngày 20/04/2023 bằng một trong các hình thức sau:

1. Email đến địa chỉ: vanphonghdqt@alphanam.com
2. Gửi thư theo địa chỉ: Bà Đinh Thị Sơn Mỹ, Công ty Cổ phần Alphanam E&C. Địa chỉ: - Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam, SĐT liên hệ: 0947468129

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Alphanam E&C.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Alphanam E&C quy định Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (gọi tắt là “**Đại hội**”) của Công ty Cổ phần Alphanam E&C (gọi tắt là “**Công ty**”).
- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham dự Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.
- Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

2. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc, công khai, minh bạch.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông;
- Quy định việc điều hành, trách nhiệm của Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu nhằm đảm bảo thực hiện quyền của cổ đông và quyết định của Đại hội đạt kết quả cao nhất.

II. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
2. Không hút thuốc lá trong Phòng Đại hội.
3. Không nói chuyện riêng. Điện thoại di động cần để chế độ im lặng.
4. Đại hội đồng cổ đông chỉ thảo luận, biểu quyết về các nội dung đã có trong Chương trình nghị sự.



III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

- Nguyên tắc:** Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết của tất cả cổ đông. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, trong đó ghi số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty.
- Cách biểu quyết:** Cổ đông biểu quyết (*đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến*) một vấn đề theo hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội.
- Thẻ lệ biểu quyết:**
 - Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu tương ứng với một đơn vị biểu quyết.
 - Tất cả các nghị quyết, quyết định của Đại hội đều phải biểu quyết công khai, trực tiếp tại Đại hội.
 - Việc bầu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu được thông qua và có hiệu lực khi được trên 50% số cổ đông/đại diện cổ đông có mặt dự Đại hội thống nhất biểu quyết.
 - Các nghị quyết, quyết định của Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội thông qua, trừ các nội dung khác theo quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.
 - Kết quả biểu quyết được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội và bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu cho Chủ tọa, Ban thư ký làm cơ sở hoàn thiện Biên bản và Nghị quyết.
 - Trong trường hợp cổ đông hoặc đại diện cổ đông có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

- Nguyên tắc:** Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa.
- Cách thức phát biểu:** Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

- Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thẻ lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.



VII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp. Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT



Bùi Hoàng Tuấn



**QUY CHẾ BẦU CỬ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Alphanam E&C

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 công bố Quy chế bầu cử để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Alphanam E&C thông qua như sau:

I. Đề cử, ứng cử

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần trong thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên có quyền gộp số cổ phần của từng người lại với nhau cho đạt tối thiểu 5% số cổ phần có quyền ứng cử/đề cử các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát phải tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

II. Bầu cử

1. Hướng dẫn điền phiếu bầu cử

- Mỗi Đại biểu sẽ được nhận 01 (một) Phiếu bầu cử ghi rõ **Tổng số cổ phần** mà Đại biểu đó đại diện tương ứng với **Tổng số phiếu bầu** do Ban tổ chức Đại hội phát hành.
- Việc bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín và phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi Đại biểu sẽ có **Tổng số phiếu bầu** tương ứng với **Tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát**.



- Đại biểu có quyền **bầu dồn hết Tổng số phiếu bầu của mình cho một Ứng cử viên** hoặc **chia cho một số Ứng cử viên mỗi người một số phiếu bầu** trong phạm vi Tổng số phiếu bầu của mình.
- Đại biểu bầu cử bằng cách điền vào Phiếu bầu cử như sau:
 - + Đánh dấu tick vào ô của Ứng cử viên lựa chọn nếu bầu dồn toàn bộ Số phiếu bầu cho Ứng cử viên đó.
 - + Hoặc ghi rõ Số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” cho từng Ứng cử viên.
 - + Tổng số phiếu bầu cho tất cả các Ứng cử viên không được lớn hơn Tổng số phiếu bầu tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Phiếu bầu cử hợp lệ và không hợp lệ

- **Phiếu bầu cử hợp lệ**
 - + Phiếu bầu cử do Ban tổ chức Đại hội phát hành, không có nội dung tẩy xóa và:
 - + Bầu đủ hoặc ít hơn số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát đã được Đại hội thông qua.
 - + Bầu cho những Người có tên trong danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua.
- **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**
 - + Phiếu bầu cử không phải của Ban tổ chức Đại hội phát hành.
 - + Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới và huỷ phiếu cũ).
 - + Phiếu bầu quá số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát mà Đại hội thông qua.
 - + Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua.
 - + Phiếu bầu có Tổng số phiếu biểu quyết đã bầu lớn hơn Tổng số phiếu được biểu quyết.

3. Quy chế bầu cử

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát trúng cử được lựa chọn từ người có Số phiếu bầu cao đến người có số phiếu thấp cho đến khi đủ số lượng thành viên cần bầu theo quy định của Điều lệ Công ty và được Đại hội thông qua.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc Chủ tịch đoàn quyết định biểu quyết.
- Đại hội bầu ra Ban kiểm phiếu để điều hành việc bầu cử theo quy định của Quy chế này.
- Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực của việc bầu cử và kiểm phiếu phải đảm bảo bí mật. Nếu có sai phạm Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm.
- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu, công bố trước Đại hội, sau đó phải niêm phong các phiếu bầu cử, xoá các dữ liệu liên quan đến bầu cử trên máy vi tính và chỉ được mở niêm phong khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, Cổ đông và/hoặc Đại biểu dự họp không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác.
- Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu VP.



**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

Bùi Hoàng Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

---o0o---

Số: 01/2023/TTr/AME-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Về việc thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành,
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với một số thông tin chi tiết như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện năm 2022
1	Tổng tài sản	3.450.000.000.000	2.145.254.708.075
2	Doanh thu thuần	2.280.000.000.000	2.213.252.011.607
3	Lợi nhuận sau thuế	25.300.000.000	20.845.680.117

2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng tài sản	2.145.254.708.075	2.165.874.237.583
2	Doanh thu thuần	2.213.252.011.607	1.697.662.228.352
3	Lợi nhuận sau thuế	20.845.680.117	20.619.529.508

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Hoàng Tuấn



**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2023**

Kính thưa Quý Cổ đông Công ty!

Kính thưa toàn thể Đại hội!

Thay mặt cho Ban điều hành Công ty, tôi xin trân trọng chào mừng tất cả Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (“ĐHĐCĐ”) của Công ty Cổ phần Alphanam E&C.

Tại Đại hội lần này, tôi xin báo cáo đến toàn thể Quý Cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

PHẦN I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2022

1. Báo cáo hoạt động của Ban điều hành:

Trong năm 2022, các thành viên Ban điều hành đã nỗ lực hoàn thành tốt chức trách của mình trong việc điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển và những chỉ tiêu kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã đề ra, luôn đặt lợi ích của Công ty lên hàng đầu.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2022

Đơn vị tính : VND

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thực hiện/ Kế hoạch
1	Tổng tài sản	3.450.000.000.000	2.145.254.708.075	62,18%
2	Doanh thu thuần	2.280.000.000.000	2.213.252.011.607	97,07%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.300.000.000	20.845.680.117	82,39%

Năm 2022 nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi hậu quả dịch bệnh Covid-19 và sự bất ổn về chính trị thế giới. Do đó, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch đề ra, được cụ thể như sau:

+ Chỉ số Lợi nhuận sau thuế TNDN ghi nhận kết quả khả quan: Kết quả Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 đạt 82,39% kế hoạch.

+ Đối với chỉ số Doanh thu thuần ghi nhận con số tích cực, đạt 97,07% so với kế hoạch đặt ra năm 2022.

3. Đánh giá về các mặt năm 2022

a. Đánh giá về công tác quản trị doanh nghiệp:

- Năm 2022, HĐQT luôn bám sát, theo dõi những diễn biến thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với tình hình thực tế,

định hướng tốt cho Ban điều hành trong triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết nghị của HĐQT.

- Các thành viên HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm cao đã tham gia chỉ đạo sát sao các hoạt động của Công ty.
- HĐQT công ty đã tổ chức thành công, đúng quy trình Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường trong năm 2022.

b. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành:

- Ban điều hành dưới sự quản lý và chỉ đạo của HĐQT đã điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ do HĐQT đề ra phù hợp với pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Trong hoạt động điều hành, Ban điều hành đã thường xuyên báo cáo xin ý kiến của HĐQT, đồng thời tích cực, chủ động xử lý kịp thời các vấn đề nảy sinh hàng ngày, đảm bảo việc điều hành linh hoạt và hiệu quả.

PHẦN II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

1. Nhận định chung về tình hình năm 2023

Dịch Covid-19 đã qua đi nhưng hậu quả của đại dịch và những bất ổn chính trị, lạm phát kinh tế tác động mạnh đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2023. Do đó, năm 2023 sẽ tiếp tục là năm sóng gió và nhiều thử thách đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và doanh nghiệp xây lắp cơ điện nói riêng. Những khó khăn và thuận lợi mà Ban điều hành Công ty xác định trong năm 2023 như sau:

a. Khó khăn:

- Tình hình chính trị bất ổn, làn sóng phá sản trên thế giới đang lan rộng.
- Giá nguyên vật liệu phục vụ cho ngành xây dựng tăng.

b. Thuận lợi:

- Việt Nam là một trong những nước kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19, duy trì nền kinh tế nội địa ổn định.
- Công ty thực hiện tốt công tác tái cấu trúc hệ thống, đã tổ chức và hoạt động của Công ty theo phương châm chuyên nghiệp hóa, giảm chi phí, kiện toàn bộ máy nhân sự theo mô hình gọn nhẹ và hoạt động hiệu quả.

Năm 2023 sẽ vẫn còn nhiều khó khăn ở phía trước, Ban điều hành Công ty cam kết sẽ nỗ lực phấn đấu lựa chọn và vạch ra những chiến lược phù hợp để Công ty có thể vượt qua giai đoạn kinh tế khó khăn, kinh doanh có lợi nhuận.

2. Các chỉ tiêu cụ thể

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
1	Tổng tài sản	2.145.254.708.075	2.165.874.237.583	
2	Doanh thu thuần	2.213.252.011.607	1.697.662.228.352	
3	Lợi nhuận sau thuế	20.845.680.117	20.619.529.508	

3. Định hướng hoạt động của công ty trong năm 2023:

- Tập trung triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Trên cơ sở các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua mà trọng tâm là hoàn thành tái cấu trúc công ty, sắp xếp lại bộ máy tổ chức và phát triển mạnh mẽ trong hoạt động xây lắp cơ điện.
- Tiếp tục đẩy mạnh tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại để tìm kiếm cơ hội đầu tư phát triển, đầu tư nâng cao thương hiệu, hình ảnh đối với khách hàng, đối tác, xã hội.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp ổn định và nâng cao năng lực tài chính của Công ty: thực hiện tốt việc kiểm soát dòng tiền, làm tốt công tác quản lý và thu hồi công nợ; tiếp tục rà soát các khoản cho vay, bảo lãnh để có biện pháp thu hồi, hạn chế rủi ro; tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí.

Chúng tôi cam kết Ban điều hành cũng như Cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Alphanam E&C sẽ nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch đã đề ra trong năm 2023, phấn đấu vượt qua những thử thách, tiếp tục duy trì sự phát triển ổn định và bền vững.

Nhân dịp này, thay mặt Ban điều hành Công ty Cổ phần Alphanam E&C, tôi xin cảm ơn các Quý Cổ đông, các tổ chức và đối tác đã ủng hộ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho HĐQT và Ban điều hành trong thời gian qua. Kính chúc Quý vị sức khỏe, thịnh vượng và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Thị Thu Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

---o0o---

Số: 02/2023/TTr/AME-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Về việc Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 (*Chi tiết trong file đính kèm*).

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: VT.



Bùi Hoàng Tuấn

Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023****Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Alphanam E&C, tôi xin gửi đến tất cả Quý Cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Hội đồng quản trị Công ty xin trân trọng báo cáo tới Đại hội về kết quả hoạt động, công tác quản trị của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Alphanam E&C trong năm 2022 và định hướng chiến lược phát triển trong năm 2023, cụ thể như sau:

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động**1. Về cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị năm 2022**

- Năm 2022 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Alphanam E&C gồm có 03 thành viên:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Minh Nhật	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Anh Quân	Thành viên HĐQT độc lập

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm về tài chính, kỹ thuật, pháp luật và phát triển dự án cũng như sự cân đối giữa các thành viên điều hành, thành viên không điều hành và các thành viên độc lập.

2. Hoạt động của HĐQT năm 2022

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tổ chức các buổi họp định kỳ nhằm đánh giá tình hình và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ và các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao như các quyết định chiến lược phát triển trung hạn, kế hoạch hằng năm của Công ty.
- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các hoạt động của Ban điều hành trong công tác triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra trong Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Phê duyệt các vấn đề theo phân cấp quản lý để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị công ty không nhận thù lao.

4. Báo cáo kết quả tăng vốn và tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn từ 252 tỷ lên 652 tỷ

4.1. Báo cáo kết quả tăng vốn

- a. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 40.000.000 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu chào bán, trong đó:
- Nhà đầu tư trong nước: 40.000.000 cổ phiếu;
 - Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: 0 cổ phiếu.
- b. Giá bán:
- Giá bán thấp nhất: 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - Giá bán cao nhất: 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - Giá bán bình quân gia quyền: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- c. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 400.000.000.000 đồng.
- d. Tổng chi phí: 194.400.000 đồng.
- Phí tư vấn: 162.000.000 đồng
 - Phí kiểm toán vốn chủ sở hữu: 32.400.000 đồng.
- e. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 399.805.600.000 đồng.
- f. Danh sách và tỷ lệ sở hữu của các nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu

TT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác /Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu	Đối tượng		Số cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán	Số cổ phiếu được phân phối	Tổng số cổ phiếu sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán
			Nhà đầu tư chiến lược /Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư nước ngoài/ Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/Nhà đầu tư trong nước				
1	Công ty cổ phần đầu tư Alphanam	0900191660	Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư trong nước	15.120.210	39.000.000	54.120.210	83,01
2	Nguyễn Minh Nhật	001088006037	Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư trong nước	1.816.815	1.000.000	2.816.815	4,32

4.2. Tình hình sử dụng vốn:

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được do phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ từ 252 tỷ đồng lên 652 tỷ đồng được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận (*Chi tiết trong file đính kèm*).

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty trong năm 2022

1. Về công tác sản xuất kinh doanh của Công ty:

Trước những khó khăn do ảnh hưởng của kinh tế toàn cầu, kinh tế trong nước, những khó khăn của ngành xây lắp cơ điện và những khó khăn nội tại của Công ty, Hội đồng quản trị đã chủ động nhận định, phân tích đúng tình hình, kịp thời đề ra các mục tiêu, định hướng phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, đề ra nhiều giải pháp quản lý, chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, giúp duy trì được hoạt động của Công ty trong giai đoạn khó khăn, tạo được dòng tiền đủ trang trải các chi phí trực tiếp và gián tiếp của công ty năm 2022. Tổng doanh thu năm 2022 của Công ty đạt 2.213.252.011.607 đồng (bao gồm cả doanh thu tài chính).

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2022 đã đề ra của Công ty.

Để đạt được kết quả kinh doanh năm 2022 là sự cố gắng của Ban điều hành Công ty với tất cả năng lực, sự đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc chủ trương của Hội đồng quản trị. Các quyết sách của Hội đồng quản trị được Ban điều hành triển khai quyết liệt nhưng thận trọng, chắc chắn.

Kết quả này đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông. Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban điều hành, sự đồng lòng của các cán bộ nhân viên, Công ty sẽ đạt và vượt được các chỉ tiêu mà Hội đồng quản trị giao phó, từng bước chinh phục các thị trường mới, các thị trường khó trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phức tạp và sự cạnh tranh khốc liệt.

3. Phương hướng đầu tư sản xuất kinh doanh trong năm 2023

Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tập trung triển khai các dự án đang thực hiện, đẩy nhanh tiến độ xây dựng hơn nữa. Đồng thời, Hội đồng quản trị tập trung tìm kiếm các dự án, các cơ hội đầu tư, hỗ trợ Ban điều hành thực hiện kế hoạch kinh doanh và chiến lược của Công ty trong năm tiếp theo.

Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản trị tại Công ty, năm 2023 Hội đồng quản trị Công ty sẽ từng bước xây dựng và hoàn thiện các Quy trình, quy chế quản trị theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò của từng thành viên Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, căn cứ và tình hình chung của ngành kinh doanh bất động sản, sau khi rà soát các kế hoạch, dự án sẽ triển khai trong năm 2023, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty, cụ thể như sau:

00620
NG T
PHÂN
NAM E
AN-TS

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng tài sản	2.145.254.708.075	2.165.874.237.583
2	Doanh thu thuần	2.213.252.011.607	1.697.662.228.352
3	Lợi nhuận sau thuế	20.845.680.117	20.619.529.508

Hội đồng quản trị hi vọng rằng, với bề dày kinh nghiệm, tiềm năng nội lực và sự ủng hộ của toàn thể cổ đông, đối tác, đội ngũ cán bộ công nhân viên, Công ty Cổ phần Alphanam E&C sẽ vượt qua được giai đoạn kinh tế khó khăn.

Và cuối cùng, thay mặt Hội đồng quản trị, tôi trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của các quý vị cổ đông trong thời gian qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Bùi Hoàng Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

---o0o---

Số: 03/2023/TT/AME-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Về việc thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành,
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 *(Chi tiết trong file đính kèm)*.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Bùi Hoàng Tuấn



Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Về tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Alphanam E&C

Kính thưa Quý Cổ đông,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Alphanam E&C;
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2022.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Alphanam E&C tình hình kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý, điều hành của Công ty trong năm 2022 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022

1. Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.
2. Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.
3. Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành.
4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo 06 tháng và Báo cáo tài chính của Công ty năm 2022.
5. Năm 2022, Ban kiểm soát không nhận thù lao.

II. Kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát

1. Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong năm 2022, Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính

chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

2. Về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty năm 2022

a. Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình, tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.
- Hội đồng quản trị đã triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị đã Ban hành các Nghị quyết, Quyết định và giám sát Ban điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2022.
- Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

b. Ban điều hành:

Ban điều hành Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty, thể hiện trên các nội dung sau:

- Triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Ban điều hành.
- Các hoạt động của Công ty trong năm 2022 đều tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ của Công ty và nằm trong phạm vi ngành nghề đã đăng ký kinh doanh. Cùng với mục tiêu mở rộng hoạt động, Hội đồng quản trị và Ban điều hành rất quan tâm cùng cố bộ máy tổ chức nhân sự và hệ thống quản lý của Công ty để ngày càng hoàn thiện hơn và phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

Ban kiểm soát đánh giá Ban điều hành đã nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

3. Về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty năm 2022

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty như sau:

❖ Một số chỉ tiêu chính:

Đơn vị tính: Đồng

	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thực hiện/ Kế hoạch
1	Tổng tài sản	3.450.000.000.000	2.145.254.708.075	62,18%
2	Doanh thu thuần	2.280.000.000.000	2.213.252.011.607	97,07%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.300.000.000	20.845.680.117	82,39%

- Công ty đã lập và công bố Báo cáo tài chính năm 2022 phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.
- Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được lập trên cơ sở số liệu thực tế và trung thực, phản ánh đúng tình hình tài chính và tuân thủ chế độ kế

toán Việt Nam.

III. Kết luận

Hoạt động của Công ty trong năm 2022 tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành, tuân thủ và chấp hành theo Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty. Năm 2022 các bộ phận trong Công ty hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ đã ban hành.

Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Bùi Kim Yến



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

---o0o---

Số: 04/2023/TTr/AME-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành,
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 (Chi tiết trong file đính kèm).

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: VT.



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo Kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Alphanam E&C trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Alphanam E&C được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 17 tháng 08 năm 1995. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100520683 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/11/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 07 tháng 06 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 3, Số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Ông: Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên
Ông: Nguyễn Anh Quân	Ủy viên

Các thành viên của Ban lãnh đạo đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Trương Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/03/2022
Ông: Nguyễn Minh Nhật	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03/03/2022
Ông: Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà: Âu Thiên Hương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/08/2022

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Bùi Kim Yến	Trưởng ban	
Bà: Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/02/2022
Bà: Lê Thị Tươi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/02/2022
Bà: Nguyễn Thị Luyến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/02/2022
Bà: Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/02/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty cổ phần Alphanam E&C đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ Công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Trương Thị Thu Hiền



Số : 172/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
của Công ty cổ phần Alphanam E&C*

Kính gửi:

**Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Alphanam E&C**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty cổ phần Alphanam E&C được lập ngày 24/03/2023 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày từ trang 06 đến trang 37 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến của kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của *Công ty cổ phần Alphanam E&C* tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Alphanam E&C được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh Phía Bắc với ý kiến chấp nhận toàn phần.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Lê Phương Anh

Nguyễn Hà Phương

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
Số: 0739-2023-133-1*

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
số 4033-2023-133-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.065.307.834.040	1.589.820.690.326
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	34.969.766.460	25.436.013.725
111	1. Tiền		34.969.766.460	25.436.013.725
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.115.533.876.193	985.420.684.279
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	426.069.930.467	906.925.939.810
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	681.927.965.857	75.715.165.518
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	14.080.535.509	10.129.866.414
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(6.544.555.640)	(7.350.287.463)
140	IV. Hàng tồn kho	8	879.905.486.436	563.854.989.350
141	1. Hàng tồn kho		879.905.486.436	563.854.989.350
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		34.898.704.951	15.109.002.972
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.180.929.644	1.104.543.197
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		32.717.775.307	14.004.459.775
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		79.946.874.035	1.313.448.836.536
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	1.234.220.000.000
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	5	-	1.234.220.000.000
220	II. Tài sản cố định		16.656.591.042	12.648.364.636
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	16.393.799.643	4.268.508.205
222	- Nguyên giá		40.596.323.685	23.899.178.230
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(24.202.524.042)	(19.630.670.025)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	-	7.971.883.913
225	- Nguyên giá		-	9.580.720.000
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	(1.608.836.087)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	262.791.399	407.972.518
228	- Nguyên giá		1.051.687.851	1.051.687.851
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(788.896.452)	(643.715.333)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		63.290.282.993	66.580.471.900
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	63.290.282.993	66.580.471.900
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.145.254.708.075	2.903.269.526.862

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
300	C - NỢ PHẢI TRẢ		1.379.554.863.704	2.558.220.962.608
310	I. Nợ ngắn hạn		1.379.554.863.704	1.270.712.200.983
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	624.531.219.307	538.523.789.696
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	158.148.715.064	37.281.180.419
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.099.909.128	5.717.436.508
314	4. Phải trả người lao động		6.170.279.599	1.653.709.535
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.350.763.439	5.346.280.306
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.269.920.141	909.810.112
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	6.537.177.620	3.376.321.606
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	573.446.879.406	677.903.672.801
330	II. Nợ dài hạn		-	1.287.508.761.625
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	15	-	1.278.764.233.774
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	-	3.799.100.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	-	4.945.427.851
400	D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		765.699.844.371	345.048.564.254
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	765.699.844.371	345.048.564.254
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		652.000.000.000	252.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		652.000.000.000	252.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(194.400.000)	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		840.866.910	840.866.910
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		113.053.377.461	92.207.697.344
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		92.207.697.344	71.299.328.703
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		20.845.680.117	20.908.368.641
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.145.254.708.075	2.903.269.526.862

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Bùi Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trường

Tổng Giám đốc



Trương Thị Thu Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Năm 2022

Đơn vị tính: VND
Năm trước

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	2.213.252.011.607	1.784.702.868.306
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		2.213.252.011.607	1.784.702.868.306
11	4. Giá vốn hàng bán	23	2.093.291.709.111	1.674.598.141.520
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		119.960.302.496	110.104.726.786
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.431.543.516	104.881.338
22	7. Chi phí tài chính	25	56.558.951.468	56.591.506.475
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		54.758.965.719	56.567.910.255
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	38.379.572.991	26.246.085.124
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		26.453.321.553	27.372.016.525
31	11. Thu nhập khác	26	20.034.042	170.368.409
32	12. Chi phí khác	27	7.104.279	978.570.779
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		12.929.763	(808.202.370)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		26.466.251.316	26.563.814.155
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	5.620.571.199	5.655.445.514
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		20.845.680.117	20.908.368.641
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	428	830
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Người lập biểu

Bùi Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trường

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc

Trương Thị Thu Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Phương pháp gián tiếp
Năm 2022

Đơn vị tính: VND
Năm nay Năm trước

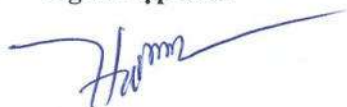
Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	26.466.251.316	26.563.814.155
	2. Điều chỉnh cho các khoản	57.429.567.928	59.293.130.924
02	- Khấu hao tài sản cố định	3.108.199.049	2.799.405.787
03	- Các khoản dự phòng	(805.731.823)	-
04	- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	428.897.589	-
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(60.762.606)	(74.185.118)
06	- Chi phí lãi vay	54.758.965.719	56.567.910.255
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	83.895.819.244	85.856.945.079
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	1.086.199.224.377	(971.846.977.767)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(316.050.497.086)	155.968.313.921
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(1.069.726.551.415)	628.925.665.549
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	2.213.802.460	2.524.535.197
14	- Tiền lãi vay đã trả	(54.598.930.652)	(56.190.770.690)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(5.747.137.348)	(7.532.807.499)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(273.814.270.420)	(162.295.096.210)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	(5.757.173.455)	(111.670.908)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	60.762.606	11.212.619
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(5.696.410.849)	(100.458.289)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	399.805.600.000	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	1.001.735.433.744	891.743.361.369
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.104.899.667.937)	(715.261.686.336)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	(7.597.239.053)	(1.311.271.856)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	289.044.126.754	175.170.403.177
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	9.533.445.485	12.774.848.678
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	25.436.013.725	12.661.165.047
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	307.250	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	34.969.766.460	25.436.013.725

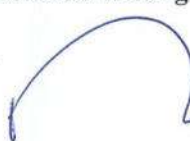
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Bùi Thị Thúy Hà

Nguyễn Văn Trường

Trương Thị Thu Hiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Alphanam E&C được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 17 tháng 08 năm 1995. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100520683 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/11/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 07 tháng 06 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 3, Số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty: 652.000.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi hai tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 65.200.000 cổ phần.

Số cán bộ công nhân viên tại 31/12/2022: 170 người

Hoạt động chính của Công ty trong năm:

- Thi công xây lắp công trình điện
- Cung cấp máy móc thiết bị, vật liệu xây dựng
- Cho thuê tài sản hoạt động

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định và tài sản thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao theo quy định

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

2.13. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ

2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- *Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;*
- *Chi phí đi vay vốn;*
- *Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...*

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được trừ.

Việc xác định thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	9.437.438	18.944.905
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.960.329.022	25.417.068.820
- Tiền gửi Việt nam	34.960.329.022	25.417.068.820
Cộng	34.969.766.460	25.436.013.725

4. Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	426.069.930.467	906.925.939.810
Công ty cổ phần Delta Việt Nam	202.665.692.094	718.689.062.975
Ban QLDA các công trình điện miền Trung- Tổng công ty truyền tải điện quốc gia	107.704.809.689	15.812.028.093
Ban QLDA các Công trình điện miền Nam - CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia	47.906.601.445	-
Khách hàng khác	67.792.827.239	172.424.848.742
Cộng	426.069.930.467	906.925.939.810

5. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	681.927.965.857	75.715.165.518
Shenzhen Gold Phoenix Second Furniture Co.,LTD	-	42.697.725.471
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Hà Tây (*)	449.600.000.000	-
Công ty cổ phần Foodinco Quy Nhơn	128.210.814.183	-
Khách hàng khác	104.117.151.674	33.017.440.047
b . Dài hạn	-	1.234.220.000.000
Công ty TNHH xây dựng hạ tầng và cảnh quang Fanxipăng	-	129.500.000.000
Công ty TNHH thương mại xây dựng và lắp đặt Zeta	-	475.120.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Hà Tây	-	499.600.000.000
Công ty cổ phần Gamma Việt Nam	-	130.000.000.000
Cộng	681.927.965.857	1.309.935.165.518

(*) Các khoản trả trước cho công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Hà Tây theo các hợp đồng:

Hợp đồng số 315/2020/HĐTCXD/EC-HT ngày 25 tháng 11 năm 2020 với số tiền trả trước:105.000.000.000 đồng

Hợp đồng số 318/2020/HĐTCXD/EC-HT ngày 28 tháng 11 năm 2020 với số tiền trả trước:65.900.000.000 đồng

Hợp đồng số 322/2020/HĐTCXD/EC-HT ngày 30 tháng 11 năm 2020 với số tiền trả trước:82.300.000.000 đồng

Hợp đồng số 330/2020/HĐTCXD/EC-HT ngày 15 tháng 12 năm 2020 với số tiền trả trước:80.600.000.000 đồng

Hợp đồng số 326/2020/HĐTCXD/EC-HT ngày 10 tháng 12 năm 2020 với số tiền trả trước:115.800.000.000 đồng

6. Phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	14.080.535.509	-	10.129.866.414	6.528.800
- Tạm ứng	201.157.438	-	334.537.429	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	13.563.800.000	-	8.817.952.797	-
- Phải thu khác	315.578.071	-	977.376.188	6.528.800
Cộng	14.080.535.509	-	10.129.866.414	6.528.800

Đơn vị tính: VND

7. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	6.544.555.640	-	7.350.287.463	-
Công ty TNHH xây dựng Cao Bằng- Đái Loan	1.037.788.000	-	1.037.788.000	-
Ban QLDA đầu tư xây dựng HT cấp nước Sông Đà- Vinaconex	1.385.095.467	-	1.385.095.467	-
Công ty cổ phần Contrexim Hồng Hà	651.420.000	-	651.420.000	-
Khách hàng khác	3.470.252.173	-	4.275.983.996	-
Cộng	6.544.555.640	-	7.350.287.463	-

8. Hàng tồn kho

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	204.086.799	-	15.678.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	699.110.461.954	-	454.229.174.469	-
Hàng hoá	180.590.937.683	-	109.610.136.881	-
Cộng	879.905.486.436	-	563.854.989.350	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND

9. Chi phí trả trước	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	2.180.929.644	1.104.543.197
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	679.826.025	92.484.320
- Chi phí bảo hiểm	383.158.465	224.502.621
- Chi phí phần mềm	297.725.928	198.848.247
- Chi phí thuê nhà	108.700.000	76.000.000
- Chi phí sửa chữa	450.005.423	-
- Chi phí tuyển dụng	127.865.401	-
- Chi phí khác	133.648.402	512.708.009
b. Dài hạn	63.290.282.993	66.580.471.900
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.636.851.324	653.870.393
- Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower (1)	39.187.878.910	40.151.515.270
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower (2)	19.224.242.468	19.696.969.736
- Chi phí sửa chữa khác	51.098.709	-
- Thuê văn phòng 96 Định Công (3)	1.931.012.433	2.067.910.833
- Chi phí phần mềm	328.827.074	-
- Chi phí mua đồng phục	-	1.146.262.500
- Chi phí khác	930.372.075	2.863.943.168
Cộng	65.471.212.637	67.685.015.097

(1) Là chi phí thuê 2.081,7m² sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 48.181.818.182 đồng.

(2) Là chi phí thuê 1.112,7m² sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 23.636.363.636 đồng.

(3) Là chi phí thuê 1.782,70m² toàn bộ tầng hầm thuộc tòa nhà B số 96 Định Công trong thời hạn từ ngày 06 tháng 06 năm 2015 đến ngày 26 tháng 07 năm 2064.

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.078.509.040	3.574.798.775	15.990.030.471	3.255.839.944	23.899.178.230
- Mua trong năm			5.546.700.000	35.445.455	5.582.145.455
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		2.889.454.545	8.225.545.455		11.115.000.000
Số cuối năm	1.078.509.040	6.464.253.320	29.762.275.926	3.291.285.399	40.596.323.685
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.078.509.040	2.809.092.730	12.824.996.881	2.918.071.374	19.630.670.025
- Khấu hao trong năm		317.194.510	1.111.115.696	250.401.852	1.678.712.058
- Mua lại tài sản thuê tài chính		1.447.575.162	1.445.566.797		2.893.141.959
Số cuối năm	1.078.509.040	4.573.862.402	15.381.679.374	3.168.473.226	24.202.524.042
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	765.706.045	3.165.033.590	337.768.570	4.268.508.205
Tại ngày cuối năm	-	1.890.390.918	14.380.596.552	122.812.173	16.393.799.643

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp: 0 VND

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2022: 13.510.001.554 đồng

Đơn vị tính: VND

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	1.051.687.851	1.051.687.851
Số cuối năm	1.051.687.851	1.051.687.851
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	643.715.333	643.715.333
- Khấu hao trong năm	145.181.119	145.181.119
Số cuối năm	788.896.452	788.896.452
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	407.972.518	407.972.518
Tại ngày cuối năm	262.791.399	262.791.399

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đang thế chấp: 0 VND
- TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 337.480.000 VND

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.885.454.545	6.695.265.455	9.580.720.000
- Thuê tài chính trong năm		1.530.280.000	1.530.280.000
- Mua lại tài sản thuê tài chính	(2.885.454.545)	(8.225.545.455)	(11.111.000.000)
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.086.893.346	521.942.741	1.608.836.087
- Khấu hao trong năm	360.681.816	923.624.056	1.284.305.872
- Mua lại tài sản thuê tài chính	(1.447.575.162)	(1.445.566.797)	(2.893.141.959)
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.798.561.199	6.173.322.714	7.971.883.913
Tại ngày cuối năm	-	-	-

13. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	677.903.672.801	677.903.672.801	1.001.735.433.744	1.106.192.227.139	573.446.879.406	573.446.879.406
Vay ngắn hạn	675.930.463.463	675.930.463.463	1.001.735.433.744	1.104.219.017.801	573.446.879.406	573.446.879.406
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình (1)	497.831.244.238	497.831.244.238	471.175.263.703	721.618.738.734	247.387.769.207	247.387.769.207
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (2)	49.832.940.804	49.832.940.804	27.631.976.851	52.491.265.954	24.973.651.701	24.973.651.701
- Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Hoàn Kiếm (3)	7.506.278.421	7.506.278.421	57.765.034.880	35.271.313.301	30.000.000.000	30.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Ngọc Khánh (4)	98.000.000.000	98.000.000.000	218.150.569.807	183.768.699.812	132.381.869.995	132.381.869.995
- Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Hà Nội (5)	22.760.000.000	22.760.000.000	70.092.000.000	57.806.000.000	35.046.000.000	35.046.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- CN Thăng Long (6)	-	-	156.520.588.503	53.263.000.000	103.257.588.503	103.257.588.503
- Công ty cổ phần Bất Động Sản Hoa Anh Đào (7)	-	-	400.000.000	-	400.000.000	400.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.973.209.338	1.973.209.338	-	1.973.209.338	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam- CN Hà Nội	120.078.692	120.078.692		120.078.692	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	140.142.862	140.142.862		140.142.862	-	-
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	507.840.000	507.840.000		507.840.000	-	-
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	1.205.147.784	1.205.147.784		1.205.147.784	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, Số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b. Dài hạn	4.945.427.851	4.945.427.851	-	420.428.582	-	-
Vay dài hạn	420.428.582	420.428.582	-	420.428.582	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	420.428.582	420.428.582		420.428.582	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	4.524.999.269	4.524.999.269	1.359.252.000	5.884.251.269	-	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	507.840.000	507.840.000	-	507.840.000	-	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	4.017.159.269	4.017.159.269	1.359.252.000	5.376.411.269	-	-
Tổng cộng	682.849.100.652	682.849.100.652	1.003.094.685.744	1.112.496.906.990	573.446.879.406	573.446.879.406

Thông tin bổ sung cho các khoản vay:

(1) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 66/2021/HDHM-PN/SHB.111100 ngày 24/11/2021

- Hạn mức cho vay: 500.000.000.000 đồng
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng
- Thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ nhưng không quá 09 tháng từ ngày giải ngân
- Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công, cung cấp, lắp đặt các hệ thống cơ điện, hoạt động xây dựng
- Biện pháp bảo đảm: Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba và Quyền đòi nợ đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai của Công ty.
- Số dư tại 31/12/2022 là: 247.387.769.207 đồng

(2) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2022/VCBTX-EC ngày 07/10/2022

- Hạn mức cấp tín dụng: 25.000.000.000 đồng
- Thời hạn duy trì hạn mức: Từ ngày ký hợp đồng cho đến hết ngày 27/08/2023
- Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ
- Mục đích cho vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định
- Biện pháp bảo đảm: Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế của khách hàng với đối tác.
- Số dư tại 31/12/2022 là: 24.973.651.701 đồng

(3) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Hoàn Kiếm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 10779.22.057.252308.TD ngày 21/03/2022.

- Giá trị hạn mức tín dụng 200.000.000.000 đồng
- Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: từ ngày ký hợp đồng đến ngày 10/03/2023
- Lãi suất : Theo từng lần nhận nợ cụ thể
- Mục đích: Phục vụ hoạt động kinh doanh cung cấp vật tư thiết bị và xây lắp
- Biện pháp bảo đảm: Khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ phát sinh từ một số hợp đồng kinh tế của khách hàng với đối tác
- Số dư tại 31/12/2022: 30.000.000.000 VND

(4) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Ngọc Khánh theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 02/2022/408/HĐTD ngày 25/03/2022; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2021/408/HĐTD ngày 16/12/2021; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 10/2022/408/HĐTC ngày 27/10/2022.

- Hạn mức cấp tín dụng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 02/2022/408/HĐTD ngày 25/03/2022: 20.000.000.000 đồng ; Hạn mức cấp tín dụng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2021/408/HĐTD ngày 16/12/2021: 118.000.000.000 đồng; Hạn mức thấu chi theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 10/2022/408/HĐTC ngày 27/10/2022: 19.600.000.000 đồng.

- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng

- Thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C

- Lãi suất : Theo từng lần nhận nợ cụ thể

- Biện pháp bảo đảm: Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba.

- Số dư tại 31/12/2022 là: 132.381.869.995 đồng

(5) Vay Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 30220043 ngày 07/06/2022

- Hạn mức cấp tín dụng 35.046.000.000 đồng

- Lãi suất : bằng tổng của chi phí huy động vốn VND cho kỳ 01 tháng áp dụng cho kỳ tính lãi cộng với 0,8% (lãi suất biên tế) trở lên.

- Mục đích: Cấp mua nội địa nguyên vật liệu, hàng hóa nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh

- Biện pháp bảo đảm: Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba.

- Số dư tại 31/12/2022 là: 35.046.000.000 đồng.

(6) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- CN Thăng Long theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 202226565375 ngày 22/06/2022 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 02-202226565375 ngày 29/12/2022.

- Hạn mức cấp tín dụng 120.000.000.000 đồng

- Thời hạn duy trì hạn mức: 1 năm

- Lãi suất : Theo từng lần nhận nợ cụ thể

- Mục đích: Theo từng lần cấp tín dụng cụ thể

- Biện pháp bảo đảm: Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba.

- Số dư tại 31/12/2022 là: 103.257.588.503 đồng.

(7) Theo hợp đồng số: 1102/22/HĐVV/HAD-EC ngày 02 tháng 11 năm 2022.

- Thời hạn vay: 6 tháng

- Lãi suất: 10%/năm

- Mục đích: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

- Số dư tại 31/12/2022 là: 400.000.000 đồng.

Đơn vị tính: VND

14. Phải trả người bán	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	624.531.219.307	624.531.219.307	538.523.789.696	538.523.789.696
Công ty cổ phần kỹ thuật Sigma	72.441.629.952	72.441.629.952	99.335.400.801	99.335.400.801
Công ty CP phát triển hạ tầng Vương Thái Sơn	77.315.042.339	77.315.042.339	21.244.990.477	21.244.990.477
Công ty CP XD và ứng dụng công nghệ Delta-V	92.739.576.953	92.739.576.953	65.143.521.750	65.143.521.750
Công ty TNHH tập đoàn xây dựng Delta	53.586.860.357	53.586.860.357	61.151.219.505	61.151.219.505
Khách hàng khác	328.448.109.706	328.448.109.706	291.648.657.163	291.648.657.163
Cộng	624.531.219.307	624.531.219.307	538.523.789.696	538.523.789.696

15. Người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	158.148.715.064	37.281.180.419
Công ty cổ phần Bất Động Sản Hoa Anh Đào	73.823.219.810	-
Công ty cổ phần Beda T&C	53.914.129.252	-
Công ty cổ phần dịch vụ và thương mại Đông Á	17.031.991.202	-
Công ty cổ phần Virex	9.203.188.695	30.616.535.427
Khách hàng khác	4.176.186.105	6.664.644.992
b. Dài hạn	-	1.278.764.233.774
Công ty cổ phần Delta Việt Nam	-	261.100.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Vinacon	-	500.144.233.774
Công ty cổ phần Địa ốc Momota	-	517.520.000.000
Cộng	158.148.715.064	1.316.045.414.193

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.731.663.446	1.731.663.446	-	-
Thuế Thu nhập DN	-	5.572.372.638	5.620.571.199	5.747.137.348	-	5.445.806.489
Thuế Thu nhập cá nhân	-	145.063.870	1.717.416.117	1.208.377.348	-	654.102.639
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	76.563.467	76.563.467	-	-
Cộng	-	5.717.436.508	9.146.214.229	8.763.741.609	-	6.099.909.128

Đơn vị tính: VND

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	3.350.763.439	5.346.280.306
Chi phí lãi vay	1.243.887.420	1.403.922.487
Chi phí khác	2.106.876.019	3.942.357.819
Cộng	3.350.763.439	5.346.280.306
18. Phải trả khác	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	6.537.177.620	3.376.321.606
Bảo hiểm xã hội	-	235.982.523
Kinh phí công đoàn	1.892.645.741	1.759.333.231
Bảo hiểm y tế	514.085	42.478.143
Bảo hiểm thất nghiệp	-	9.284.190
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.791.600.000	30.000.000
Phải trả, phải nộp khác	852.417.794	1.299.243.519
b. Dài hạn	-	3.799.100.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	3.799.100.000
Cộng	6.537.177.620	7.175.421.606
19. Doanh thu chưa thực hiện	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	1.269.920.141	909.810.112
- Doanh thu nhận trước	1.269.920.141	909.810.112
Cộng	1.269.920.141	909.810.112

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	252.000.000.000	-	840.866.910	71.299.328.703	324.140.195.613
- Lãi trong năm trước				20.908.368.641	20.908.368.641
Số dư đầu năm nay	252.000.000.000	-	840.866.910	92.207.697.344	345.048.564.254
- Tăng trong năm (i)	400.000.000.000	(194.400.000)			399.805.600.000
- Lãi trong năm				20.845.680.117	20.845.680.117
Số dư cuối năm nay	652.000.000.000	(194.400.000)	840.866.910	113.053.377.461	765.699.844.371

(i) Tăng vốn điều lệ theo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ được phê duyệt tại Nghị quyết số 139/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Công ty cổ phần đầu tư Alphanam	541.202.100.000	83,01	151.202.100.000	60,00
- Ông Nguyễn Minh Nhật	28.168.150.000	4,32	18.168.150.000	7,21
- Vốn góp các cổ đông khác	82.629.750.000	12,67	82.629.750.000	32,79
Cộng	652.000.000.000	100	252.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	252.000.000.000	252.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm (i)	400.000.000.000	-
+ Vốn góp cuối năm	652.000.000.000	252.000.000.000

(i) Quyết định số 449/QĐ-SGDHN ngày 05/07/2022 của sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận niêm yết bổ sung 40.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty cổ phần Alphanam E&C; Công văn số 2332/TB-SGDHN ngày 14/07/2022 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc niêm yết bổ sung 40.000.000 cổ phiếu nói trên từ ngày 01/06/2022 và bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày niêm yết bổ sung.

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	65.200.000	25.200.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.200.000	25.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.200.000	25.200.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Quỹ đầu tư phát triển	840.866.910	840.866.910

21. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán**a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đồng Đô la Mỹ (USD)	171,01	171,01
- Đồng EURO (EUR)	215,71	215,71

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trung tâm kinh doanh địa ốc và đầu tư Phát triển công nghệ 579	5.319.868.330	5.319.868.330
Công ty cổ phần xây lắp Coma 25	1.284.246.975	1.284.246.975
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô	15.418.000	15.418.000
Công ty TNHH Thống Nhất	850.800.000	850.800.000
Cộng	7.470.333.305	7.470.333.305

22. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.582.422.996.189	958.908.230.447
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.822.200.000	35.820.043.182
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	12.822.292.037	14.436.885.664
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	616.184.523.381	775.537.709.013
Cộng	2.213.252.011.607	1.784.702.868.306

23. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	1.478.220.799.941	936.043.246.719
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.881.502.705	11.299.720.343
- Chi phí kinh doanh bất động sản	8.697.341.857	8.026.226.368
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	602.492.064.608	719.228.948.090
Cộng	2.093.291.709.111	1.674.598.141.520

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	60.762.606	74.185.118
- Lãi do chênh lệch tỷ giá	1.370.780.910	30.696.220
Cộng	1.431.543.516	104.881.338

25. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	54.758.965.719	56.567.910.255
- Chênh lệch tỷ giá	1.799.985.749	23.596.220
- Khác		
Cộng	56.558.951.468	56.591.506.475

26. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Tiền phạt thu được		170.240.231
- Thu nhập khác	20.034.042	128.178
Cộng	20.034.042	170.368.409

27. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế, BHXH	5.708.885	978.559.669
- Khác	1.395.394	11.110
Cộng	7.104.279	978.570.779

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	972.747.864	1.266.271.213
- Chi phí nhân công	18.376.538.105	10.162.339.743
- Chi phí khấu hao	2.199.005.629	1.537.735.693
- Thuế, phí, lệ phí	812.568.979	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.161.360.118	7.767.144.914
- Chi phí khác bằng tiền	7.857.352.296	5.509.593.561
- Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi		
Cộng	38.379.572.991	26.246.085.124

29. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	174.126.333.467	128.242.500.322
- Chi phí nhân công	31.936.898.978	44.553.801.939
- Chi phí khấu hao	3.108.199.049	2.799.405.787
- Thuế, phí, lệ phí	2.544.232.425	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	695.946.177.284	414.210.391.567
- Chi phí khác bằng tiền	8.726.687.176	9.474.134.892
- Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Cộng	916.388.528.379	599.280.234.507

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	26.466.251.316	26.563.814.155
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.178.145.508	1.713.413.413
- Chi phí không hợp lệ	1.178.145.508	1.713.413.413
Lợi nhuận chịu thuế	27.644.396.824	28.277.227.568
- Thuế suất hoạt động chịu kinh doanh	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	5.528.879.365	5.655.445.514
- Điều chỉnh thuế TNDN truy thu từ năm trước	91.691.834	-
Tổng thuế TNDN phải nộp	5.620.571.199	5.655.445.514

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	20.845.680.117	20.908.368.641
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	20.845.680.117	20.908.368.641
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	48.716.484	25.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	428	830

32. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

33. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.969.766.460		25.436.013.725	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	440.150.465.976	6.544.555.640	917.055.806.224	7.350.287.463
Cộng	475.120.232.436	6.544.555.640	942.491.819.949	7.350.287.463

Đơn vị tính: VND

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Vay và nợ			573.446.879.406	682.849.100.652
Phải trả người bán, phải trả khác			631.068.396.927	545.699.211.302
Chi phí phải trả			3.350.763.439	5.346.280.306
Cộng			1.207.866.039.772	1.233.894.592.260

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.969.766.460			34.969.766.460
Phải thu khách hàng, phải thu khác	440.150.465.976	-		440.150.465.976
Cộng	475.120.232.436	-	-	475.120.232.436
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.436.013.725			25.436.013.725
Phải thu khách hàng, phải thu khác	917.055.806.224	-		917.055.806.224
Cộng	942.491.819.949	-	-	942.491.819.949



Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	573.446.879.406	-		573.446.879.406
Phải trả người bán, phải trả khác	631.068.396.927	-		631.068.396.927
Chi phí phải trả	3.350.763.439	-		3.350.763.439
Cộng	1.207.866.039.772	-	-	1.207.866.039.772
Số đầu năm				
Vay và nợ	677.903.672.801	4.945.427.851		682.849.100.652
Phải trả người bán, phải trả khác	541.900.111.302	3.799.100.000		545.699.211.302
Chi phí phải trả	5.346.280.306	-		5.346.280.306
Cộng	1.225.150.064.409	8.744.527.851	-	1.233.894.592.260

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng hóa, thành phẩm	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh bất động sản, Dịch vụ khác	Đơn vị tính: VND	
				Tổng	
Doanh thu thuần ra bên ngoài	1.582.422.996.189	616.184.523.381	14.644.492.037	2.213.252.011.607	
Chi phí bộ phận	1.478.220.799.941	602.492.064.608	12.578.844.562	2.093.291.709.111	
Kết quả kinh doanh bộ phận	104.202.196.248	13.692.458.773	2.065.647.475	119.960.302.496	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				38.379.572.991	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				81.580.729.505	
Doanh thu hoạt động tài chính				1.431.543.516	
Chi phí tài chính				56.558.951.468	
Thu nhập khác				20.034.042	
Chi phí khác				7.104.279	
Thuế TNDN hiện hành				5.620.571.199	
Lợi nhuận sau thuế				20.845.680.117	

35. Nghiệp vụ và các Giao dịch Bên liên quan**a. Thông tin các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Bà Đỗ Thị Minh Anh	Mẹ đẻ của Thành viên HĐQT
- Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Âu Thiên Hương	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 01/8/2022
- Công ty cổ phần Địa ốc Foodinco	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Alphanam E&C là Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Địa ốc Foodinco
- Ông Nguyễn Minh Nhật	Thành viên HĐQT
- Công ty cổ phần Địa ốc Alphanam	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Alphanam E&C là chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Địa ốc Alphanam
- Bà Trương Thị Thu Hiền	Tổng giám đốc

b. Giao dịch với bên liên quan

Trong năm phát sinh các giao dịch bảo lãnh vay vốn bằng tài sản thế chấp của bên liên quan:

Tên đối tượng	Năm nay
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Bảo đảm khoản vay ngân hàng cho công ty bằng hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thường Tín- CN Thăng Long
Công ty cổ phần Địa ốc Foodinco	Bảo đảm khoản vay ngân hàng cho công ty bằng hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thường Tín- CN Thăng Long
Ông Nguyễn Minh Nhật	Bảo đảm khoản vay ngân hàng cho công ty bằng hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình
Công ty cổ phần Địa ốc Alphanam	Bảo đảm khoản vay ngân hàng cho công ty bằng hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình
Ông Nguyễn Minh Nhật	Bảo đảm khoản vay ngân hàng cho công ty bằng hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân
Bà Trương Thị Thu Hiền	Bảo đảm khoản vay ngân hàng cho công ty bằng hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Hà Nội
Ông Nguyễn Minh Nhật	Bảo đảm khoản vay ngân hàng cho công ty bằng hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Hà Nội

*** Thu nhập hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát trong năm nay**

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức vụ	Số tiền
Ông Nguyễn Minh Nhật	Thành viên HĐQT	90.000.000
Bà Trương Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc	760.000.000
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng giám đốc	440.000.000
Bà Âu Thiên Hương (Miễn nhiệm từ 01/8/2022)	Phó Tổng giám đốc	101.500.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh Phía Bắc.

Người lập biểu

Bùi Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trường

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Trương Thị Thu Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

---o0o---

Số: 05/2023/TTTr/AME-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Về việc thông qua phương án không phân phối lợi nhuận năm 2022)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện năm 2022
1	Tổng tài sản	3.450.000.000.000	2.145.254.708.075
2	Doanh thu thuần	2.280.000.000.000	2.213.252.011.607
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.300.000.000	20.845.680.117

Hội đồng quản trị xét thấy nếu chia cổ tức cho Cổ đông hiện hữu thì cổ tức Cổ đông nhận được là rất nhỏ. Vì vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua việc không phân phối lợi nhuận năm 2022 và bổ sung nguồn lợi nhuận sau thuế này vào vốn lưu động của Công ty.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Bùi Hoàng Tuấn

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 chi tiết như sau.

1. Tiêu chí lựa chọn Đơn vị kiểm toán:

- Công ty kiểm toán có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam;
- Công ty kiểm toán có đội ngũ kiểm toán có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán theo các qui định của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam (VAS);
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty;
- Mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán của Công ty.

2. Đề xuất của Danh sách các Công ty kiểm toán độc lập vào danh sách ngắn:

- | | |
|--|--|
| - Công ty TNHH KPMG | - Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C. |
| - Công ty TNHH PWC Việt Nam. | - Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam. |
| - Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE). | - Công ty TNHH kiểm toán- thẩm định giá và tư vấn Ecovis AFA Việt Nam. |
| - Công ty TNHH Kiểm toán quốc tế (ICPA). | - Công ty TNHH Kiểm toán Sao việt. |
| - Công ty TNHH Kiểm toán TTP. | - Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC |
| - Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. | - Công ty TNHH Kiểm toán FAC |
| - Công ty TNHH kiểm toán VACO. | - Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam |
| - Công ty TNHH PKF Việt Nam. | - Công ty TNHH kiểm toán An Việt |
| - Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. | - Công ty TNHH kiểm toán - tư vấn Đất Việt. |
| - Công ty kiểm toán và tư vấn chuẩn Việt. | - Công ty TNHH tư vấn- kiểm toán S&S |
| - Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN); | - Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA Việt Nam); |
| - Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn (A&C). | |

3. Đề xuất của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 xem xét thông qua:

- Phê duyệt chủ trương lựa chọn và ký hợp đồng kiểm toán với một trong các Công ty kiểm toán độc lập trong danh sách ngắn.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Alphanam E&C tổ chức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập theo quy trình mua sắm của Công ty.



- Giao cho Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Alphanam E&C ký Hợp đồng cung cấp Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính với Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHDCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Bùi Hoàng Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

---o0o---

Số: 07/2023/TT/AME- HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Về việc chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành,
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1. Báo cáo chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022:

Công ty không chi trả thù lao cho các Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022.

2. Kế hoạch chi thù lao trong năm 2023:

Công ty không chi trả thù lao cho các Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

Nơi nhận:

- DIHDCD;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

---o0o---

Số: 08/2023/TTTr/AME- HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành,
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

1. **Miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát có đơn từ nhiệm đối với:** Bà Lê Thị Tươi
2. **Bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 đối với:** Ông Đàm Văn Hán
3. **Bầu lại (Tái bổ nhiệm) Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 đối với:** Bà Bùi Kim Yến và bà Nguyễn Thị Hải Yến.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

---o0o---

Số: 09/2023/TTr/AME- HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Về việc bầu lại thành viên HĐQT)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành,
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Alphanam E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu lại thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 đối với:

1. Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Minh Nhật – Thành viên HĐQT
3. Ông Nguyễn Anh Quân – Thành viên HĐQT độc lập

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.



Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

---o0o---

Số: 10/2023/TTr/AME-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Về việc ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ như sau:

1. **Quy định tại điều lệ hiện nay:** Khoản 1 Điều 22: Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. **Quy định tại điều lệ sửa đổi:** Khoản 1 Điều 22: Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề sau đây:
 - a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - b) Định hướng phát triển công ty;
 - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Tổ chức lại, giải thể công ty.
3. Các nội dung khác không thay đổi
(Dự thảo Điều lệ sửa đổi ở file đính kèm)

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.



CÔNG TY CỔ PHẦN
ALPHANAM E&C

---o0o---

Số: 11/2023/TTr/AME-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi)

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành,
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Alphanam E&C.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty như sau:

- 1. Quy định tại Quy chế hiện nay:** Khoản 9 Điều 3: Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Trừ trường hợp Điều lệ và pháp luật có quy định khác, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - h) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - i) Định hướng phát triển Công ty;
 - j) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - l) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - m) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - n) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- 2. Quy định tại Quy chế sửa đổi:** Khoản 9 Điều 3: Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty
(Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi ở file đính kèm)
Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Bùi Hoàng Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
ALPHANAM E&C

(Ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2023)

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY. 7	
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	11
Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	11
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	11
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	12
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	12
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	12
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	12
Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	13
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	13
Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 12. Quyền của cổ đông	13
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	15
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 17. Thay đổi các quyền	19
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	23
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	28
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	30
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	30
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	32
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	32
Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	33
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	33
Điều 34. Người điều hành Công ty	33
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	33
Chương IX. BAN KIỂM SOÁT	34
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	34
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	34
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	35
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	35
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	36
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	36
Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC....	36
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	37
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	38
Chương XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	38
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	38
Chương XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	39
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	39
Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	39
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	39
Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	40
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	40
Điều 48. Năm tài chính	40
Điều 49. Chế độ kế toán.....	40
Chương XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	40
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	40
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	40
Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	41

Điều 52. Kiểm toán	41
Chương XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	41
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp	41
Chương XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	41
Điều 54. Giải thể công ty	41
Điều 55. Gia hạn hoạt động
Điều 56. Thanh lý.....	42
Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	42
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	42
Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	43
Điều 58. Điều lệ công ty	43
Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	43
Điều 59. Ngày hiệu lực	43

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ của Công ty cổ phần Alphanam E&C - dưới đây gọi là “Công ty” - là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan sẽ là những nguyên tắc ràng buộc mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 04 năm 2023.

Chương I.

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
 - Tên bằng tiếng nước ngoài: ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY
 - Tên viết tắt: ALPHANAM E&C JSC.,
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Điện thoại: 024 35587979
 - Fax: 024 35578420
 - E-mail: info@alphanam.com
 - Website: alphanamec.com.vn/
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật.
2. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Các giấy tờ giao dịch phải ghi rõ điều đó.
3. Người đại diện theo pháp luật của công ty là người đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật
- b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
- c) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc cá nhân và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Chương III.

PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành nghề kinh doanh

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Cho thuê xe có động cơ <i>Chi tiết: Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển;</i>	7710	
2	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít <i>Chi tiết: Sản xuất sơn, bột bả;</i>	2022	
3	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392	
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Sơn, bột bả, vật liệu xây dựng</i>	4663	
5	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết:</i> <i>- Tư vấn dự án, lập dự án;</i> <i>- Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình;</i> <i>Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy;</i>	7110	

	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Thẩm tra các bản vẽ kỹ thuật thi công các công trình xây dựng (Trong phạm vi chứng chỉ hành nghề);</i> - <i>Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ thầu và tổ chức đấu thầu công trình xây dựng;</i> - <i>Giám sát thi công xây dựng gồm: giám sát công tác xây dựng công trình; giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ; giám sát công tác lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy;</i> - <i>Giám sát, thi công xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;</i> - <i>Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình;</i> - <i>Dịch vụ chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;</i> - <i>Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước và môi trường;</i> - <i>Khảo sát địa chất công trình;</i> - <i>Khảo sát địa chất thủy văn;</i> - <i>Khảo sát địa hình công trình.</i> <p><i>(Điều 87, Điều 89, Điều 91 nghị định số 15/2021/NĐ-CP)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy;</i> - <i>Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy.</i> <p><i>(Điều 41 Nghị định 136/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2021).</i></p>		
6	<p>Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác</p> <p><i>Chi tiết: Bán buôn ô tô</i></p>	4511	
7	<p>Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác</p> <p><i>Chi tiết: Sửa chữa ô tô</i></p>	4520	
8	<p>Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại</p> <p><i>Chi tiết: Xúc tiến thương mại</i></p>	8230	
9	<p>Quảng cáo</p>	7310	
10	<p>Chuẩn bị mặt bằng</p> <p><i>Chi tiết: Loại trừ dịch vụ nổ mìn</i></p>	4312	
11	<p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Xây dựng các công trình dân dụng;</i> 	4390	

	<p>- Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 136/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2021)</p> <p>(Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật)</p>		
12	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; - Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất. 	6810	
13	<p>Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp</p> <p>Chi tiết: Thang máy</p>	2816	
14	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết: Thang máy</p>	4659	
15	<p>Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ vật liệu Composite (SMC);</p>	2399	
16	<p>Sản xuất máy chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết: Sản xuất máy móc công nghiệp</p>	2829	
17	<p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghiệp; - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc tác động của môi trường tới chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp hạ tầng đô thị, nông thôn. - Dịch vụ quan trắc môi trường, Trắc địa công trình, quan trắc tác động môi trường, quan trắc địa hình, quan trắc lún, địa chính các tỷ lệ. - Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy <p>(Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020)</p> <p>(Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật)</p>	7490	

18	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại <i>Chi tiết: Sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện</i>	2512	
19	Bán buôn tổng hợp <i>Chi tiết: Loại trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối</i>	4690	
20	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410	
21	Lắp đặt hệ thống điện <i>Chi tiết: Dây dẫn và thiết bị điện, Đường dây thông tin liên lạc, Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học, hệ thống chiếu sáng, Chuông báo cháy, Hệ thống báo động chống trộm, Tín hiệu điện và đèn trên đường phố, Đèn trên đường băng sân bay.</i>	4321	
22	Xây dựng công trình điện <i>Chi tiết: -Hoạt động xây dựng, cung cấp vật tư, thiết bị các công trình điện dân dụng, công nghiệp đến cấp điện áp 500 KV; - Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị.</i>	4221	x
23	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp;</i>	4299	
24	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác <i>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng.</i>	4329	
25	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa <i>Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá Loại trừ: các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối.</i>	4610	
26	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322	

	<i>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống, lò sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa</i>		
27	Hoạt động tư vấn quản lý	7020	
28	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp), Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 136/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2021)</i>	4669	

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia
2. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

Chương IV.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty được quy định chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo Điều lệ này
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành các cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty chỉ gồm cổ phần phổ thông trừ trường hợp Công ty thực hiện phát hành bất kỳ cổ phần ưu đãi nào theo quy định tại khoản 4 Điều này. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương V.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

Chương VI.

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
 - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3

Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề sau đây:
 - a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - b) Định hướng phát triển công ty;
 - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng

quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 11 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh Nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII.

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Chương IX.

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty từ 03 đến 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X.

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
 - c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ Đông đó

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI.

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban

kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII.

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII.

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV.

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31/12 của năm đó

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI.
KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII.
DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII.
GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 Điều lệ này, trong trường hợp muốn thay đổi thời hạn hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua thời hạn hoạt động mới của Công ty.
2. Trường hợp công ty có thời hạn hoạt động mới (không phải là vô thời hạn) như nêu tại Khoản 1 Điều này, ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động, Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
3. Thời hạn hoạt động được thay đổi/gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX.

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI.

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Alphanam E&C nhất trí thông qua ngày 25 tháng 04 năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

TRƯƠNG THỊ THU HIỀN

PHỤ LỤC 01
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Cổ đông sáng lập	Số cổ phần sở hữu thời điểm sáng lập	Ghi chú
1	<p>CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM Đại diện: Ông Nguyễn Tuấn Hải Địa chỉ: Khu Công nghiệp phố nổi A, Xã Trung Trác, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.</p>	<p>Số lượng: 7.800.000 cổ phần Loại cổ phần: Cổ phần Phổ thông Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần</p>	
2	<p>NGUYỄN HỮU PHƯƠNG Địa chỉ: 1-5 Nhà A1T5C, tập thể Quân đội, phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam</p>	<p>Số lượng: 20.000 cổ phần Loại cổ phần: Cổ phần Phổ thông Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần</p>	
3	<p>NGUYỄN DUY PHƯƠNG Địa chỉ: P2-D23, Tập thể Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam</p>	<p>Số lượng: 20.000 cổ phần Loại cổ phần: Cổ phần Phổ thông Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần</p>	
4	<p>NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT Địa chỉ: 5-B4, Tập thể cơ khí 120, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam</p>	<p>Số lượng: 20.000 cổ phần Loại cổ phần: Cổ phần Phổ thông Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần</p>	
5	<p>BÙI HOÀNG TUẤN Địa chỉ: Phòng 4, nhà R, Tập thể Đường sắt, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam</p>	<p>Số lượng: 400.000 cổ phần Loại cổ phần: Cổ phần Phổ thông Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần</p>	
6	<p>ÂU THIÊN HƯƠNG Địa chỉ: 14 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam</p>	<p>Số lượng: 200.000 cổ phần Loại cổ phần: Cổ phần Phổ thông Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần</p>	

PHỤ LỤC 02

VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **652.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi hai tỷ đồng).
2. Tổng số cổ phần: 65.200.000 cổ phần (Hai năm triệu hai trăm nghìn cổ phần).
 - Loại cổ phần:
 - Cổ phần phổ thông: 65.200.000 cổ phần (Hai năm triệu hai trăm nghìn cổ phần).
 - Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ALPHANAM E&C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2023

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Alphanam E&C;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/2023/NQ/AME-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2023

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Alphanam E&C

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Alphanam E&C bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- a) Trừ các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Quy chế này, Điều lệ và pháp luật, Đại hội đồng cổ đông Công ty có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.

- b) Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

- a) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.
- b) Ban kiểm soát có quyền triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.

2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.
- b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Việc kiến nghị thực hiện quy định tại Điều 18 Điều lệ và quy định sau:

Việc kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Văn bản kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm các thông tin sau:

- (i) Họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Số thẻ căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- (ii) Số lượng từng loại cổ phần của cổ đông;

- (iii) Vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - (iv) Lý do đưa ra kiến nghị;
 - (v) Chữ ký của cổ đông đối với cổ đông là cá nhân; Chữ ký người đại diện theo pháp luật của cổ đông và đóng dấu pháp nhân đối với cổ đông là tổ chức.
- c) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối các kiến nghị của cổ đông trong các trường hợp được quy định tại khoản 5 Điều 18 Điều lệ Công ty và trong trường hợp kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm b khoản này.
- d) Trường hợp quy định tại điểm c khoản này, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm b khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Cổ đông không trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự. Việc ủy quyền thực hiện theo khoản 2 Điều 16 Điều lệ Công ty.
- b) Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể gửi trước thông tin về văn bản ủy quyền đến Người phụ trách quản trị Công ty trước ngày khai mạc cuộc họp.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

- a) Ban kiểm tra tư cách cổ đông hoặc một bộ phận/cá nhân được Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ định có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- b) Việc đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm việc đăng ký cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự họp Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp. Việc đăng ký và biểu quyết chỉ được tiến hành trước khi kiểm phiếu.
- c) Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải xuất trình các giấy tờ nhân thân và chứng minh quyền dự họp khi đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gồm: chứng minh nhân dân/căn cước công dân, hộ chiếu hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo mời họp và giấy ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền). Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp.
- d) Cổ đông phải tuân thủ mọi nội quy, quy định của Công ty trong quá trình đăng ký tham dự họp. Trường hợp vi phạm hoặc cố tình gây rối, Công ty có quyền sử dụng các biện pháp thích hợp để đảm bảo quá trình đăng ký cho các cổ đông khác được tiến hành bình thường. Nếu cổ đông gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc bên thứ ba thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
- e) Ban kiểm tra tư cách cổ đông hoặc bộ phận/cá nhân được Hội đồng quản trị chỉ định có trách nhiệm kiểm tra và thông báo số lượng cổ đông dự họp thỏa mãn tỷ lệ tham dự tối thiểu theo quy định. Tỷ lệ này được công bố ngay sau khi kết thúc việc đăng ký cổ đông và trước khi cổ đông thực hiện biểu quyết.

8. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

10. Cách thức bỏ phiếu

- a) Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo sự giới thiệu của Chủ tọa có trách nhiệm thực hiện kiểm phiếu đại hội.
- b) Khi đăng ký tham dự Đại hội, mỗi cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền biểu quyết sẽ được cấp một Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử (nếu có) trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền của cổ đông và số phiếu biểu quyết của người đó.
- c) Đối với các vấn đề biểu quyết công khai, gồm: Thông qua lựa chọn Ban Chủ tọa (hoặc cơ quan tương đương), Ban Kiểm phiếu; Thông qua Chương trình họp; Thông qua Nghị quyết, Biên bản họp v.v..., cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tiến hành biểu quyết công khai bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa.
- d) Đối với các vấn đề bỏ phiếu kín:
 - (i). Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đối với các vấn đề quan trọng trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông theo báo cáo, tờ trình, đề nghị tại cuộc họp và được thu vào thùng phiếu. Đối với mỗi vấn đề biểu quyết in trên phiếu có các lựa chọn Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến; hoặc/và
 - (ii). Bầu cử bằng Phiếu bầu cử (nếu có) đối với việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên. Phiếu này sẽ được thu vào thùng phiếu.
 - (iii). Chủ tọa và/hoặc trưởng ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn cách thức bỏ phiếu và biểu quyết tại mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

11. Cách thức kiểm phiếu

- a) Đối với các vấn đề biểu quyết công khai tại Đại hội:

Số thẻ tán thành nghị quyết được kiểm tra trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được kiểm tra sau, cuối cùng đếm tổng số cổ phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.
- b) Đối với các vấn đề bỏ phiếu kín:
 - (i). Ban kiểm phiếu phải tiến hành thu Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết và sau đó tiến hành kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu không được gạch xóa hoặc sửa chữa trên các phiếu thu được. Đối với các phiếu không hợp lệ, Ban kiểm phiếu phải để riêng và giải thích về lý do không hợp lệ trong trường hợp được cổ đông hoặc Chủ tọa yêu cầu.
 - (ii). Công ty có thể sử dụng phần mềm hoặc dịch vụ của bên thứ ba để tiến hành kiểm phiếu. Khi áp dụng phương thức này, Ban kiểm phiếu phải giám sát chặt chẽ quá trình kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.
 - (iii). Đối với những vấn đề nhạy cảm, nếu cổ đông có yêu cầu và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

- (iv). Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu để Trưởng ban kiểm phiếu công bố trước Đại Hội. Sau khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm phiếu phải đảm bảo rằng tất cả các Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử và Biên bản kiểm phiếu phải được bàn giao cho Người phụ trách quản trị của Công ty lưu theo chế độ bảo mật và quy định lưu trữ của Công ty.

12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc người được chỉ định bởi Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- a) Trường hợp cổ đông phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp thì cổ đông đó phải lập văn bản, ghi rõ tên, địa chỉ, mã số dự họp và nội dung, lý do về việc phản đối và gửi cho Hội đồng quản trị Công ty ngay sau khi kết quả kiểm phiếu được công bố hoặc trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề bị phản đối.
- b) Trong thời hạn nêu tại điểm a khoản này, cổ đông phản đối Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại điểm a khoản này cũng có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Trường hợp đó, trong văn bản phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, ngoài việc có các nội dung như yêu cầu tại điểm a khoản này phải có thêm các nội dung sau đây: số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại.
- c) Việc giải quyết mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông tại điểm b khoản này thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

15. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và phải bao gồm các nội dung quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.
- b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự, phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết toàn văn được thông qua tại đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trên trang thông tin điện tử của Công Ty và công bố thông tin thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong vòng hai mươi tư (24) giờ theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi Biên bản họp và Biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- a) Trình tự lấy ý kiến bằng cổ đông văn bản được thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Công ty sau khi có nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- b) Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị sẽ thành lập Ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu tối thiểu bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và một thành viên thư ký. Trong đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị là Trưởng Ban kiểm phiếu.
- c) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Thực hiện theo quy định Hướng dẫn họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử ban hành kèm theo Quy chế này.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Vai trò của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy chế này, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và pháp luật.

3. Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị

- a) Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo các quy định tại Quy chế này, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và pháp luật.
- b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

Trừ các thông tin, tài liệu được Tổng giám đốc cung cấp định kỳ và đúng thời hạn theo quy định tại Điều 22 Quy chế này, trường hợp Thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu Người quản lý cung cấp thông tin, tài liệu định kỳ (do đến hạn mà không nhận được) hoặc bất

thường thì yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu phải được lập bằng văn bản có các nội dung tối thiểu sau đây: tên Thành viên Hội đồng quản trị, tên Người quản lý được yêu cầu cung cấp, nội dung, mục đích, hình thức, thời hạn cung cấp và cam kết bảo mật thông tin. Văn bản yêu cầu phải được gửi để đảm bảo Người quản lý nhận được trước khi hết thời hạn cung cấp ghi trong văn bản tối thiểu là 15 (mười lăm) ngày.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Thành viên Hội đồng quản trị.

- c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 7. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng Thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và khoản 1, khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và pháp luật.

a) Đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số lượng cổ phần (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp) thỏa mãn khoản 2 Điều 25 Điều lệ có quyền thực hiện đề cử Thành viên Hội đồng quản trị như sau:

(i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải chuẩn bị hồ sơ đề cử bao gồm:

- + Bản khai thông tin ứng viên có các thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty và các thông tin sau: Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; Trình độ học vấn; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; Các lợi ích có liên quan tới Công ty: quan hệ của ứng viên với Người có liên quan, quan hệ của ứng viên đối với các đối tác kinh doanh chính của Công ty, những thông tin có liên quan đến ứng viên có thể ảnh hưởng tới nhiệm vụ và tính độc lập của ứng viên với tư cách là Thành viên Hội đồng quản trị;
- + Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- + Văn bản cam kết của ứng viên về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân trong hồ sơ và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị;
- + Đối với nhóm Cổ đông cần gửi thêm: danh sách đầy đủ của nhóm cổ đông đề cử; văn bản thỏa thuận của nhóm Cổ đông về việc đề cử Thành viên Hội đồng quản trị.

(ii) Hồ sơ đề cử phải được gửi đến Hội đồng quản trị tại địa chỉ Trụ sở chính của Công ty trong thời hạn theo thông báo của Công ty về việc đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị.

- (iii) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
- b) Cổ đông là cá nhân hoặc người có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị có thể ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị Công ty. Hồ sơ ứng cử và việc gửi hồ sơ ứng cử cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện theo quy định mục (i) và (ii) điểm a khoản này.
- 3. Cách thức bầu Thành viên Hội đồng quản trị**
- Thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và pháp luật.
- 4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị**
- Thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và pháp luật.
- 5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị**
- Thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và pháp luật.
- 6. Cách thức giới thiệu ứng viên Thành viên Hội đồng quản trị**
- a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.
- b) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
- 7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu trong số các Thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không được kiêm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiên không còn là Chủ tịch Hội đồng quản trị khi bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm, miễn nhiệm tư cách Thành viên Hội đồng quản trị.
- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Quy chế này, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty hoặc pháp luật gây thiệt hại về tài sản cho Công ty và phải được 100% Thành viên Hội đồng quản trị (ngoại trừ Chủ tịch Hội đồng quản trị) tán thành bãi nhiệm.
- d) Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:
- (i) Có đơn từ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và được chấp thuận;
 - (ii) Khi bị Tòa án tuyên bố mất tích;
 - (iii) Khi bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú;
 - (iv) Khi bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm

chủ hành vi;

- (v) Khi bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định dẫn đến không thể thực hiện nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 8. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 9. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu

Hội đồng quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người có thẩm quyền khác triệu tập.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

- a) Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới được triệu tập như sau:

Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới, thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất sẽ triệu tập và chủ trì để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.

- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có các nội dung quan trọng cần bàn và/hoặc khi nhận được đề nghị bằng văn bản của một trong những đơn vị/người sau:

- (i) Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- (ii) Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 Người quản lý doanh nghiệp khác;
- (iii) Ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
- (iv) Kiểm toán viên độc lập;
- (v) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- b) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng Thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
- c) Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công Ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Kiểm soát viên

Người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các Thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 30 Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội

đồng quản trị và pháp luật.

6. Cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và pháp luật.

7. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của Thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số Thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải được gửi đề đảm bảo Công ty nhận được chậm nhất trước khi khai mạc cuộc họp.

8. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị, trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và pháp luật.

9. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Sau khi nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua, nội dung nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được thông báo tới các Thành viên Hội đồng quản trị bằng fax/thư điện tử, các phòng ban và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành, tuân thủ theo quy định của Điều lệ và pháp luật. Các nội dung thuộc phạm vi công bố thông tin sẽ được công bố theo quy định pháp luật.

Điều 10. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Cơ cấu các tiểu ban

Cơ cấu các tiểu ban bao gồm một (01) Trưởng tiểu ban và (các) thành viên. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.

4. Tiêu chuẩn và trách nhiệm của trưởng tiểu ban, các thành viên

a) Trưởng Tiểu ban được lựa chọn trong số các Thành viên Hội đồng quản trị và am hiểu về lĩnh vực được phân công phụ trách. Trưởng Tiểu ban phải:

(i) Phải báo cáo lên Chủ tịch Hội đồng quản trị về những công việc của Tiểu ban. Bên cạnh đó, các Trưởng ban của các Tiểu ban phải có mặt tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông để trả lời những câu hỏi của các cổ đông.

(ii) Thông báo cho Hội đồng quản trị biết về tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến công việc của Tiểu ban, ít nhất ba (03) tháng một lần

- (iii) Nộp cho Hội đồng quản trị tất cả những dữ liệu mà Hội đồng quản trị yêu cầu, không được chậm trễ
 - (iv) Thực hiện những biện pháp quản lý cần thiết để đảm bảo rằng Tiểu ban hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.
- b) Các thành viên Tiểu ban có thể được Hội đồng quản trị lựa chọn trong số Thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác. Các thành viên Tiểu ban thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Tiểu ban và Hội đồng quản trị.

Điều 11. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Các tiêu chuẩn khác sẽ theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái quy định pháp luật hiện hành về lao động, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và quy định pháp luật liên quan.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

Thực hiện theo Điều 32 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Vai trò của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Công ty, góp phần đảm bảo tính minh bạch và lành mạnh của Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông của Công ty trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Trừ các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Quy chế này, Điều lệ và pháp luật, Ban kiểm soát Công ty có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ và pháp luật, Kiểm soát viên có các trách nhiệm sau đây:

- a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề

nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

- b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
- c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- d) Nghĩa vụ khác theo quy định của Quy chế này, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty.
- e) Trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
- f) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 13. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty và pháp luật.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty và pháp luật.

3. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên, Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của

Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty và pháp luật.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

6. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 14. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát

- 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và pháp luật.
12. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật về chứng khoán.
13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 15. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Vai trò của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

Thực hiện theo khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan tại Quy chế này, quy chế nội bộ Công ty, Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

- a) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm tính từ ngày được bổ nhiệm tại Quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- b) Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

- a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) Thành viên Hội đồng quản trị hoặc một (01) người khác làm Tổng giám đốc;
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký hợp đồng với Tổng giám đốc trong đó quy định mức lương, thù lao và các lợi ích khác. Tiền lương, thù lao của Tổng giám đốc phải được thể hiện trong Báo cáo tài chính và Báo cáo thường niên của Công ty.

3. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc trong trường hợp sau đây:

- a) Có đơn từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;
- b) Tổng giám đốc hết nhiệm kỳ mà không được bổ nhiệm lại;
- c) Hết thời hạn làm việc ghi trong hợp đồng lao động mà không được gia hạn;
- d) Tổng giám đốc không đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều lệ và pháp luật;
- e) Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của mình theo quy định của hợp đồng lao động, quy định nội bộ Công ty, Điều lệ hoặc pháp luật gây thiệt hại về tài sản, uy tín cho Công ty;
- f) Các trường hợp khác nếu Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật về chứng khoán.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 17. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả

họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

- a) Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi thông báo họp Hội đồng quản trị cho các kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của các Kiểm soát viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các Thành viên Hội đồng quản trị.
- b) Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.
- c) Hội đồng quản trị có thể mời thêm thành viên Ban Tổng giám đốc tham dự một số cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc một số nội dung liên quan trong cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu, báo cáo, phần trình bày theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Tổng giám đốc có quyền tham dự, thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.
- d) Thư ký cuộc họp ghi ý kiến thảo luận của các Kiểm soát viên thông báo kết quả họp Hội đồng quản trị cho các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

- a) Tại các phiên họp có nội dung quan trọng của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Tổng giám đốc tham gia cuộc họp để thảo luận về những vấn đề có liên quan.
- b) Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày trước khi cuộc họp diễn ra.
- c) Trưởng Ban kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong thời gian ba (03) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

3. Các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc:

- a) Tại các phiên họp có nội dung quan trọng của Ban Tổng giám đốc, Tổng giám đốc có thể mời một số Thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát tham gia cuộc họp để thảo luận về những vấn đề có liên quan.
- b) Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày trước khi cuộc họp diễn ra.
- c) Thư ký cuộc họp có trách nhiệm gửi văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong thời gian năm (03) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 18. Thông báo các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Bản sao các văn bản nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc thông qua bằng một trong các cách thức: gửi trực tiếp, fax hoặc thư điện tử theo địa chỉ đã thông báo.

Điều 19. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị:
 - a) Khi phát hiện có vi phạm trong việc thực hiện thẩm quyền của Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Khi xét thấy cần thiết trong việc: (i) rà soát, kiểm tra đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro; (ii) kiến nghị các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; (iii) nhận thấy báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty phản ánh chưa đầy đủ, thiếu trung thực hoặc vi phạm các quy định pháp luật; (iv) kiểm tra các vấn đề liên quan theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều lệ;
2. Các trường hợp Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị:
 - a) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - b) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - c) Kiến nghị các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, các hoạt động điều hành Công ty
3. Việc đề nghị phải được lập thành văn bản trình bày rõ mục đích cuộc họp và kèm theo các tài liệu liên quan và gửi cho Hội đồng quản trị trước 10 (mười) ngày làm việc trước ngày dự kiến họp.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét đề nghị và triệu tập họp trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty (nếu có) và những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 20. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị định kỳ (hàng quý, 6 tháng và hàng năm) về việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Báo cáo được thực hiện bằng văn bản và gửi cho các Thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo trực tiếp và làm rõ các nội dung tại cuộc họp thường kỳ hoặc đột xuất của Hội đồng quản trị theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
2. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể yêu cầu những người quản lý khác báo cáo về việc thực hiện những nhiệm vụ được giao.
3. Tổng giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản.

Điều 21. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

1. Theo định kỳ (quý, 6 tháng, năm) Ban Tổng giám đốc phải tổ chức họp để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc.
2. Cuộc họp phải có biên bản họp được lưu trữ làm cơ sở trích dẫn, đưa thông tin vào các báo cáo của Ban Tổng giám đốc.

Điều 22. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, xin ý kiến, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị

1. Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
2. Tổng giám đốc phải cung cấp bằng văn bản các báo cáo, thông tin sau cho Hội đồng quản trị:
 - a) Kết quả thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua (theo định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm);
 - b) Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty (theo định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng và năm);
 - c) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e) Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;
 - f) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - g) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
 - h) Tổng giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông tại cuộc gần nhất về quyết định đó.
3. Xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị
Trước khi thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ, Tổng giám đốc phải gửi tờ trình và các tài liệu liên quan đến Hội đồng quản trị trước 03 ngày, khuyến khích việc đồng thời gửi cho Ban kiểm soát.

Điều 23. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc

1. Nguyên tắc làm việc

- a) Các Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban Tổng giám đốc phải thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, theo quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.
- b) Các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát sẽ không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi tổ chức.
- c) Trường hợp khẩn cấp, các Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban Tổng giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc hoặc cả ba người để được giải quyết kịp thời, hiệu quả.
- d) Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc, cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý, lao động tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nói trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công Ty.
- e) Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

2. Phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác

- a) Đối với Hội đồng quản trị: Ban kiểm soát có vai trò giám sát các hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác Cụ thể trình tự, thủ tục như sau:
 - (i). Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động (không dài hơn 1 quý), tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - (ii). Khi kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện thấy vụ việc đang diễn ra làm thiệt hại đến tài sản của Công ty, thì thành viên Ban kiểm soát kiến nghị biện pháp giải quyết và báo cáo xin ý kiến chỉ đạo kịp thời của Trưởng Ban kiểm soát. Trường hợp không có biện pháp điều chỉnh nào tốt hơn, thì Trưởng Ban kiểm soát bàn bạc với Hội đồng quản trị giải quyết sau đó có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
 - (iii). Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
 - (iv). Đối với các kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành thì

Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

- (v). Đối với việc thẩm tra báo cáo tài chính được kiểm toán, Ban kiểm soát phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng 7 ngày.
 - (vi). Đối với các hồ sơ, tài liệu khác Hội đồng quản trị gửi đến Ban kiểm soát để có ý kiến thì Ban kiểm soát sẽ phản hồi trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc.
- b) Đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác: Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát. Cụ thể trình tự, thủ tục như sau:
- (i). Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc và Người điều hành khác tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.
 - (ii). Đối với hoạt động của Tổng giám đốc và Ban Tổng giám đốc, căn cứ vào các báo cáo hoạt động thường kỳ và những yêu cầu cung cấp thông tin cá biệt của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của Công ty, Ban kiểm soát có quyền gửi thông báo đến Tổng giám đốc nhằm mục đích yêu cầu dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng một (01) giờ kể từ khi gửi yêu cầu, Ban kiểm soát phải thông báo ý kiến của Ban kiểm soát với các Thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc ngừng thực hiện các quyết định của Tổng giám đốc.
 - (iii). Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ.
 - (iv). Đối với việc sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, Ban kiểm soát phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng bốn mươi tám (48) giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.

3. Phối hợp hoạt động của Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác

- a) Đối với Ban kiểm soát:

Đối với các yêu cầu, đề xuất của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, đề xuất.
- b) Đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác
 - (i). Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất là 45 ngày.
 - (ii). Đối với việc Hội đồng quản trị ủy quyền cho người điều hành theo Khoản 5 Điều 27 của Điều lệ thì: (i) nội dung này phải được thể hiện qua Nghị quyết hoặc văn bản ủy quyền có đa số các chữ ký của Thành viên Hội đồng quản trị; (ii) được gửi bản chính đến Tổng giám đốc và thông tin đến Thư ký Công ty và (iii) đáp ứng các yêu cầu khác của pháp luật về ủy quyền.

- (iii). Các vấn đề mà Hội đồng quản trị có trách nhiệm phê duyệt theo đề xuất của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ, Hội đồng quản trị phản hồi trong vòng bảy (07) ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.
- (iv). Các quyết định tạm đình chỉ quyết định của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ phải được lập thành văn bản và gửi bảo đảm hoặc gửi trực tiếp.
- (v). Hội đồng quản trị có trách nhiệm phản hồi các nội dung: kiến nghị về điều lệ, quy chế công ty, cơ cấu tổ chức và số lượng Người điều hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày. Đối với các kiến nghị khác, Hội đồng quản trị phản hồi bằng văn bản trong thời bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị.
- (vi). Các nội dung Hội đồng quản trị gửi lấy ý kiến của Tổng giám đốc như mức lương và các lợi ích khác của Người điều hành, các nội dung nhân sự, ... phải được gửi ít nhất trước bốn mươi tám (48) giờ trước khi kết thúc hạn lấy ý kiến.

4. Phối hợp hoạt động của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

- a) Đối với Hội đồng quản trị: Tổng giám đốc và những Người điều hành khác là cơ quan chấp hành, điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động diễn ra bình thường và hiệu quả, theo các quy định tại Chương này, Quy chế và Điều lệ Công ty.
- b) Đối với Ban kiểm soát: Tổng giám đốc và các Người điều hành khác có trách nhiệm tiếp thu và phối hợp trong công tác.

CHƯƠNG VII. ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 24. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và những Người điều hành khác

1. Phương thức đánh giá

- a) Tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng quản trị, việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và những người điều hành khác có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức dưới đây:
 - (i). Tự nhận xét đánh giá;
 - (ii). Đánh giá hoạt động định kỳ 06 tháng;
 - (iii). Đánh giá hoạt động hàng năm được tiến hành vào cuối năm;
 - (iv). Tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đột xuất; và
 - (v). Cách thức khác do Hội đồng quản trị quy định tại từng thời điểm cụ thể.
- b) Hội đồng quản trị sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- c) Ban kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các kiểm soát viên; và
- d) Tổng giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm và cho ý kiến đề xuất đánh giá đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Tiêu chí đánh giá

Tiêu chí đánh giá hoạt động đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác bao gồm:

- a) Kết quả thực hiện công việc được giao hoặc được phân công, bao gồm: mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của Công ty;
- b) Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ, chủ trương, chính sách, quy định của Công ty và các quy định của pháp luật;
- c) Tinh thần học tập, nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác; ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm;
- d) Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc tiết kiệm, tránh lãng phí tài nguyên của Công ty; và
- e) Đoàn kết, phối hợp trong và ngoài Công ty, mức độ tín nhiệm với nhân viên.

3. Xếp loại

- a) Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác được phân làm 03 (ba) nhóm như sau:
 - (i). Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
 - (ii). Hoàn thành nhiệm vụ được giao; và
 - (iii). Chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- b) Các văn bản đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành khác phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân tại trụ sở Công ty.

Điều 25. Khen thưởng và xử lý vi phạm, kỷ luật

1. Khen thưởng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của Công ty và pháp luật.

Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục sẽ được thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm cụ thể.

2. Xử lý vi phạm và kỷ luật

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định khác có liên quan của Công ty thì tùy tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp luật và/hoặc Công ty.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Tổng giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm.

Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý sẽ được Hội đồng quản trị quyết định tại từng thời điểm cụ thể

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Alphanam E&C bao gồm 26 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 04 năm 2023.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

BÙI HOÀNG TUẤN

HƯỚNG DẪN

HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ban hành ngày/...../2023)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Hướng dẫn hợp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử này (“**Hướng dẫn**”) quy định về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường (“**Đại hội đồng cổ đông**” hay “**Đại hội**”) của Công ty Cổ phần [Tên Công ty] (“**Công ty**” hay “.....”) bằng hình thức Đại hội trực tuyến và quy định về việc biểu quyết bằng phương thức Bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại cuộc họp.
2. Cổ đông có quyền dự họp, đại diện được ủy quyền của cổ đông có quyền dự họp và những người tham gia, tham dự, tổ chức Đại hội trực tuyến có trách nhiệm tuân thủ theo các quy định tại hướng dẫn này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Hướng dẫn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “**Điều lệ**” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần [Tên Công ty].
2. “**Quy chế quản trị**” là Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần [Tên Công ty]
3. “**Cổ đông có quyền dự họp**” là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành bởi Công ty và có tên trong danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp đại hội đồng cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Công ty.
4. “**Đại biểu**” là cổ đông có quyền dự họp hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông có quyền dự họp.
5. “**Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**” hay “**Đại hội trực tiếp**” là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hay bất thường) tại duy nhất một địa điểm, toàn bộ đại biểu tham dự, thảo luận và biểu quyết trực tiếp tại địa điểm đó.
6. “**Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**” hay “**Đại hội trực tuyến**” là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hay bất thường) có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường Internet, cho phép đại biểu ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của Đại hội, thảo luận và thực hiện các quyền biểu quyết của mình. Đại hội trực tuyến bao gồm hai loại sau:
 - a. “**Đại hội trực tuyến toàn phần**”: là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà toàn bộ đại biểu tham dự và biểu quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử; và
 - b. “**Đại hội trực tuyến kết hợp trực tiếp**”: là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các đại biểu có thể lựa chọn một trong hai hình thức tham dự sau: (i) trực tiếp có mặt tại địa điểm Công ty xác định để tham dự cuộc họp và bỏ phiếu trực tiếp tại đó, hoặc (ii) thông qua hệ thống trực tuyến kết nối bằng Internet để theo dõi cuộc họp, bỏ phiếu điện tử và thực hiện các quyền liên quan như các đại biểu trực tiếp có mặt tại cuộc họp.
7. “**Bỏ phiếu trực tiếp**” là việc đại biểu biểu quyết trực tiếp tại địa điểm duy nhất tổ chức Đại hội do Công ty xác định.

8. **“Bỏ phiếu điện tử”** là việc đại biểu sử dụng máy tính hoặc các thiết bị khác có kết nối Internet để thực hiện biểu quyết thông qua hệ thống điện tử do Công ty quy định và thông báo.
9. **“Hệ thống điện tử”** là tổng hợp hệ thống phần mềm và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật được Công ty lựa chọn áp dụng nhằm cung cấp cho đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền tham dự, thảo luận, biểu quyết và các quyền liên quan khác khi tham dự Đại hội trực tuyến.
10. **“Tài khoản đăng nhập”** là mã đăng nhập (hay còn gọi là tên đăng nhập) và mật khẩu được Công ty cung cấp cho cổ đông có quyền dự họp để truy cập tham gia Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
11. **“Yếu tố định danh”** là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.
12. **“Bất khả kháng”** là những sự kiện xảy ra một cách khách quan ngoài ý chí và khả năng kiểm soát của Ban tổ chức Đại hội, không thể lường trước và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Bất khả kháng theo quy định tại hướng dẫn này có thể bao gồm nhưng không giới hạn: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, đình công, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, lỗi phần mềm, tấn công của tin tặc, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội trực tuyến, sự thay đổi của luật pháp, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Hình thức Đại hội trực tuyến có giá trị pháp lý như Đại hội trực tiếp và hình thức bỏ phiếu điện tử có giá trị pháp lý như bỏ phiếu trực tiếp.
2. Việc tổ chức Đại hội trực tuyến theo Hướng Dẫn này phải đảm bảo tuân thủ các quy định về tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo pháp luật, Điều lệ và Quy chế Quản trị của Công ty. Trường hợp có sự thay đổi của pháp luật liên quan và/hoặc Điều lệ và/hoặc Quy chế Quản trị dẫn tới nội dung Hướng Dẫn có mâu thuẫn với một số hay toàn bộ các văn bản này, thì thứ tự ưu tiên áp dụng là quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị, Hướng dẫn này.
3. Nguyên tắc xử lý khi xảy ra bất khả kháng tại Đại hội trực tuyến: Nếu Đại hội trực tuyến đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian 60 (sáu mươi) phút do bất khả kháng, thì Chủ tọa Đại hội có thể tuyên bố hoãn Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi hoãn (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội được triệu tập gần nhất hoặc được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến Đại hội bằng văn bản theo các quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập trong các trường hợp và theo các quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 14 Điều lệ.
2. Tùy theo diễn biến kinh tế - chính trị - xã hội tại thời điểm tổ chức, và căn cứ trên khả năng đáp ứng thực tế của công nghệ kỹ thuật, Hội đồng quản trị Công ty được toàn quyền quyết định tổ chức các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến hay gặp mặt trực

tiếp. Hình thức tổ chức Đại hội phải được thể hiện cụ thể, rõ ràng trong thông báo mời họp quy định tại Điều 6 Hướng dẫn này.

Điều 5. Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng phù hợp với quy định pháp luật và công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày này.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) lập và chốt tại ngày đăng ký cuối cùng và cung cấp cho Công ty. Công ty phải đảm bảo danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp quy định tại Điều 6 Hướng dẫn này.
3. Các thông tin liên hệ của cổ đông nêu tại danh sách cổ đông có quyền dự họp do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp là cơ sở để Công ty thực hiện việc mời họp và định danh cổ đông đăng ký tham dự. Trường hợp có sự thay đổi về các thông tin liên hệ đã đăng ký, thì cổ đông có trách nhiệm kịp thời liên hệ với thành viên lưu ký chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản để hoàn thành việc cập nhật thông tin theo quy định của VSD trước ngày đăng ký cuối cùng.

Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ hậu quả, thiệt hại nào cho việc thông tin của cổ đông không được cập nhật kịp thời với VSD dẫn đến danh sách cổ đông có quyền dự họp không có thông tin mới nhất của cổ đông và Công ty không thể liên lạc được với cổ đông hay cổ đông không đăng nhập được hệ thống điện tử do các yếu tố định danh không phù hợp tương ứng với thông tin liên lạc của cổ đông.

Điều 6. Thông báo mời họp Đại hội trực tuyến

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).
2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc nêu trên, các hình thức cụ thể để gửi thông báo mời họp Đại hội trực tuyến do Hội đồng quản trị quyết định và được tuân thủ theo Khoản 3 Điều 18 Điều lệ.
3. Thông báo mời họp phải nêu rõ hình thức tổ chức Đại hội, thời gian và địa điểm diễn ra Đại hội (trong trường hợp Đại hội trực tuyến kết hợp trực tiếp) và hướng dẫn chi tiết hoặc đường dẫn đến hướng dẫn chi tiết cách thức đăng nhập hệ thống điện tử. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu liên quan sử dụng trong Đại hội hoặc đường dẫn đến các tài liệu này theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ.

Điều 7. Điều kiện tham dự Đại hội trực tuyến

1. Điều kiện tham dự: Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập và chốt vào ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo thực hiện quyền dự họp của Công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật: Để có thể đăng ký tham dự và biểu quyết trực tuyến qua hệ thống điện tử, cổ đông có quyền dự họp cần có thiết bị điện tử kết nối Internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, hoặc các thiết bị điện tử khác có kết nối Internet), duy trì kết nối Internet ổn định và thực hiện kích hoạt tài khoản đăng nhập được Công ty thông báo cho cổ đông.

Điều 8. Ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến

1. Cổ đông có thể trực tiếp tự mình hoặc ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại Đại hội trực tuyến theo quy định tại Quy chế này. Cụ thể:
 - (i) Cổ đông là cá nhân có quyền ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp và biểu quyết tại Đại hội.
 - (ii) Cổ đông là tổ chức có quyền cử người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức chỉ được ủy quyền lại cho người khác khi có sự chấp thuận bằng văn bản của tổ chức đó.
2. Việc ủy quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội trực tuyến sẽ được Công ty công nhận hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - (i) Cổ đông điền đầy đủ thông tin tham khảo theo mẫu văn bản ủy quyền do Công ty ban hành, đặc biệt cần cung cấp chính xác thông tin của bên nhận ủy quyền (bao gồm nhưng không giới hạn: họ và tên, số CMND/CCCD/hộ chiếu, số điện thoại liên hệ, địa chỉ liên lạc). Đây là cơ sở để cấp mã đăng nhập (user), mật khẩu (password) và các yếu tố xác thực khác (nếu có) cho bên nhận ủy quyền khi bên nhận ủy quyền đăng ký tham dự và biểu quyết trực tuyến qua hệ thống điện tử; và
 - (ii) Giấy ủy quyền có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có) của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền; và
 - (iii) Công ty nhận được bản chính Văn bản ủy quyền gửi về trước khi Đại hội khai mạc chính thức.
 - (iv) Trường hợp văn bản ủy quyền đảm bảo được các nội dung theo quy định tại Điều lệ nhưng chưa tuân thủ theo mẫu của Công ty, Hội đồng quản trị có thể xem xét chấp thuận hiệu lực của văn bản ủy quyền đó và đưa ra một khoảng thời gian để cổ đông hoàn thiện về mặt hình thức (nếu cần thiết).
3. Trường hợp hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: Cổ đông gửi cho Công ty bản chính văn bản đề nghị hủy bỏ ủy quyền trước khi Đại hội khai mạc chính thức. Thời điểm ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời điểm Công ty nhận được bản chính văn bản đề nghị tương ứng của cổ đông. Việc hủy bỏ ủy quyền sẽ không có giá trị và bị vô hiệu nếu bên nhận ủy quyền đã bỏ phiếu điện hội đối với bất kỳ vấn đề biểu quyết/bầu cử nào của Đại hội trực tuyến.
4. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thay mặt cổ đông thực hiện các quyền và tuân thủ các nghĩa vụ nêu tại Điều 9 dưới đây khi tham dự Đại hội trực tuyến.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông khi tham dự Đại hội trực tuyến

1. Cổ đông có quyền dự họp được quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị và Hướng

dẫn này.

2. Cổ đông có quyền dự họp được quyền phát biểu ý kiến, thảo luận trực tiếp tại Đại hội theo quy định tại Hướng dẫn này.
3. Cổ đông (bằng kinh phí của mình) tự chịu trách nhiệm chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối Internet ổn định để đảm bảo theo dõi được diễn biến của Đại hội và thực hiện đầy đủ các quyền của mình. Công ty không chịu trách nhiệm khi cổ đông đăng xuất khỏi hệ thống điện tử vì bất kỳ lý do gì trong thời gian diễn ra Đại hội tính từ thời điểm hệ thống điện tử mở cho việc đăng ký tham dự, thảo luận, biểu quyết đến lúc đóng hệ thống.
4. Cổ đông khi dự họp có nghĩa vụ tuân thủ sự điều hành của Ban chủ tọa, nội quy/quy chế của Đại hội; không gây rối, gây cản trở, gây mất trật tự trong Đại hội, hoặc có bất kỳ hành vi nào làm nhiễu loạn, phá hoại, hay chiếm quyền kiểm soát hệ thống điện tử.
5. Cổ đông có trách nhiệm bảo mật mã đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố xác thực khác (nếu có) do Công ty cung cấp, không tiết lộ các thông tin này cho bất kỳ ai hoặc để cho bất kỳ ai sử dụng tài khoản đăng nhập của mình (trừ khi được sự chấp thuận của Công ty), để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và biểu quyết trên hệ thống điện tử.
Mọi kết quả giao dịch bỏ phiếu điện tử được thực hiện qua tài khoản tăng nhập của cổ đông do hệ thống điện tử thu thập, thống kê, trích xuất ra được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông. Cổ đông chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả bỏ phiếu điện tử được thực hiện thông qua tài khoản tăng nhập đã được cấp cho cổ đông và/hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông trên hệ thống điện tử
6. Cổ đông phải thông báo ngay cho Công ty để kịp thời xử lý khi phát hiện Mã đăng nhập, mật khẩu hoặc các yếu tố xác thực khác (nếu có) bị mất, đánh cắp, bị lộ hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Ban tổ chức Đại hội để thực hiện khóa tài khoản tăng nhập và áp dụng các biện pháp bảo mật cần thiết khác. Cổ đông phải chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại, tổn thất và rủi ro xảy ra trước thời điểm Công ty nhận được thông báo của cổ đông nếu như nguyên nhân là do lỗi của cổ đông.
7. Trường hợp vì lý do cá nhân mà cổ đông phải rời khỏi cuộc họp sớm trước khi Đại hội biểu quyết thì cổ đông có thể thực hiện biểu quyết đối với các nội dung cần xin ý kiến cổ đông trong chương trình họp trước khi đăng xuất khỏi hệ thống điện tử.
8. Trường hợp cổ đông đăng nhập hệ thống điện tử muộn hoặc đăng ký kiểm tra tư cách cổ đông muộn (đối với trường hợp tham dự trực tiếp tại Đại hội trực tuyến kết hợp trực tiếp) sau khi Đại hội đã khai mạc thì cổ đông có quyền tham gia và biểu quyết ngay đối với những nội dung chưa biểu quyết. Tuy nhiên, kết quả và giá trị pháp lý của các đợt biểu quyết đã được tiến hành trước đó (nếu có) sẽ không bị ảnh hưởng, không bị thay đổi.
9. Cổ đông đồng ý để Công ty cung cấp các dữ liệu thông tin của cổ đông cho bên thứ ba có liên quan (Bên cung cấp hệ thống điện tử) để họ hỗ trợ việc thực hiện các quyền của cổ đông trong việc tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
10. Khi tham dự Đại hội trực tuyến, cổ đông có nghĩa vụ bảo mật diễn biến Đại hội; không được thu lại, phát lại, truyền tiếp khi chưa có sự đồng ý của Công ty. Các vấn đề liên quan đến công bố thông tin Đại hội sẽ được Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội trực tuyến

1. Đại hội trực tuyến được tiến hành khi đạt đủ điều kiện về số lượng cổ đông có quyền biểu quyết dự họp theo quy định tại Điều 19 Điều lệ.
2. Số lượng cổ đông có quyền biểu quyết dự họp Đại hội trực tuyến theo quy định tại Điều này là tổng cộng số lượng cổ đông đăng ký tham dự thành công theo đúng các nguyên tắc và cách thức nêu tại Điều 11 Hướng dẫn này.

Đối với Đại hội trực tuyến toàn phần, số lượng cổ đông tham dự được xác định bằng số lượng tham dự do hệ thống điện tử ghi nhận, thống kê. Đối với Đại hội trực tuyến kết hợp trực tiếp, số lượng cổ đông tham dự được xác định bằng tổng cộng của số lượng cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến do hệ thống điện tử thống kê và số lượng cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp tại địa điểm chính tổ chức Đại hội.

Điều 11. Nguyên tắc và cách thức đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến

1. Nguyên tắc đăng ký tham dự tại Đại hội trực tuyến:
 - a. Trường hợp tổ chức Đại hội trực tuyến toàn phần: Đại biểu sử dụng tài khoản tăng nhập được Công ty cung cấp để đăng ký tham dự qua hệ thống điện tử. Đại biểu được hệ thống điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội khi đại biểu đó
 - (i) thực hiện truy cập vào hệ thống và xác nhận tham dự họp trực tuyến bằng các thông tin và theo cách thức đăng ký tham dự Khoản 2 Điều này trong thời gian diễn ra Đại hội, hoặc (ii) đã thực hiện bỏ phiếu điện tử thành công trên hệ thống điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung chương trình cuộc họp.
 - b. Trường hợp tổ chức Đại hội trực tuyến kết hợp trực tiếp: Tùy theo nhu cầu và điều kiện, khả năng của mình, Đại biểu lựa chọn hình thức tham dự Đại hội. Theo đó, đại biểu chỉ có thể đăng ký tham dự một lần bằng một trong hai hình thức – trực tuyến hoặc trực tiếp.

Trong trường hợp đại biểu đã thực hiện thao tác đăng ký tham dự qua hệ thống điện tử thì sau đó sẽ không được phép đăng ký tham dự trực tiếp tại địa điểm tổ chức Đại hội, và ngược lại. Nếu trong cùng một lần Đại hội mà đại biểu thực hiện thao tác đăng ký tham dự bằng cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến, thì thao tác đăng ký đầu tiên được thực hiện sẽ có giá trị và được dùng để xác định việc đại biểu tham dự Đại hội theo hình thức nào, thao tác đăng ký của các lần sau đó không có giá trị và bị hủy bỏ.
2. Cách thức đăng ký tham dự trực tuyến qua hệ thống điện tử: Cổ đông thực hiện truy cập vào đường dẫn hệ thống điện tử do Công ty thông báo, đăng nhập Tài khoản tăng nhập bằng mã đăng nhập và mật khẩu do Công ty cung cấp. Tùy thuộc loại hình hệ thống điện tử mà Công ty lựa chọn, thì cổ đông sẽ phải tiếp tục thực hiện thêm một thao tác xác nhận đăng ký dự họp trực tuyến riêng biệt hoặc không. Theo đó, cổ đông cần tuân thủ theo hướng dẫn đăng nhập và đăng ký tham dự trực tuyến do Công ty ban hành; cũng như chịu trách nhiệm và phải đảm bảo điền, kê khai đúng và chính xác các thông tin của cổ đông trong suốt quá trình thực hiện thao tác.

Điều 12. Cách thức thảo luận tại Đại hội trực tuyến

1. Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu, góp ý đến Ban thư ký Đại hội. Ban thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông theo thứ tự hợp lý và chuyển lên cho Ban chủ

tọa. Các cổ đông tham dự trực tuyến có thể kết nối với Ban thư ký Đại hội và phát biểu, góp ý trực tiếp trong cuộc họp thông qua hệ thống hình ảnh, âm thanh tích hợp trong hệ thống điện tử.

2. Cổ đông cần phát biểu ngắn gọn và tập trung trong thời gian quy định vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong thời gian phát biểu, cổ đông phải đảm bảo đường truyền Internet được kết nối ổn định, nếu đường truyền của cổ đông bị mất kết nối và làm gián đoạn Đại hội thì Chủ tọa (tùy theo quyết định của mình) có quyền chuyển sang ý kiến, câu hỏi khác. Các vấn đề mà cổ đông chưa được giải đáp (nếu có) do lỗi đường truyền như nêu trên sẽ được Ban chủ tọa phúc đáp bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Công ty.
3. Trên cơ sở nội dung thảo luận của cổ đông, Chủ tọa Đại hội hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông. Các câu hỏi không liên quan trực tiếp đến nội dung cuộc họp hoặc chưa được trả lời tại Đại hội do giới hạn thời gian cuộc họp sẽ được Chủ tọa tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Công ty.

Điều 13. Nguyên tắc và cách thức bỏ phiếu tại Đại hội trực tuyến

1. Nguyên tắc bỏ phiếu tại Đại hội trực tuyến:
 - a. Việc bỏ phiếu tại Đại hội trực tuyến chỉ được thực hiện khi đại biểu đã đăng ký tham dự họp lệ theo Hướng dẫn này.
 - b. Trong mọi trường hợp cổ đông dự họp nhưng không thực hiện bỏ phiếu hết đối với toàn bộ các vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội thì được xem là cổ đông từ chối quyền biểu quyết đối với các vấn đề không thực hiện bỏ phiếu.
 - c. Trường hợp tổ chức Đại hội trực tuyến toàn phần: đại biểu sử dụng hình thức bỏ phiếu điện tử để thực hiện việc biểu quyết.
 - d. Trường hợp tổ chức Đại hội trực tuyến kết hợp trực tiếp: Đại Biểu chỉ có thể bỏ phiếu một lần bằng một trong hai hình thức – trực tuyến hoặc trực tiếp, tương ứng với hình thức đăng ký tham dự Đại hội đã lựa chọn tại Điều 11 Hướng dẫn này.

Trong trường hợp đại biểu đã thực hiện thao tác bỏ phiếu điện tử trên hệ thống điện tử thì sau đó sẽ không được phép bỏ phiếu trực tiếp tại địa điểm tổ chức Đại hội, và ngược lại. Nếu trong cùng một lần Đại hội mà đại biểu thực hiện thao tác bỏ phiếu bằng cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến, thì lần biểu quyết được thực hiện sớm nhất sẽ có giá trị thể hiện ý chí của đại biểu và được dùng để xác định việc đại biểu đã thực hiện quyền, các lần biểu quyết sau đó không có giá trị và bị hủy bỏ.

2. Cách thức bỏ phiếu điện tử:
 - a. Biểu quyết: Đại biểu chọn lựa một trong các phương án biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, hoặc “không có ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội (số lượng phương án biểu quyết cụ thể tùy thuộc vào nội dung biểu quyết); các phương án này đã được cài đặt, tích hợp sẵn theo hệ thống điện tử và được hiển thị trên màn hình truy cập của đại biểu. Sau khi lựa chọn, đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống điện tử ghi nhận kết quả.
 - b. Bầu cử: đại biểu thực hiện lựa chọn ứng cử viên và số phiếu bầu tương ứng bằng các cách

thức đã được cài đặt, tích hợp sẵn theo hệ thống điện tử và được hiển thị trên màn hình truy cập của đại biểu.

3. Thời gian bỏ phiếu điện tử
 - a. Thời gian bỏ phiếu điện tử đối với từng nội dung biểu quyết sẽ được thực hiện theo thông báo trực tiếp của Chủ tọa Đại hội, hoặc được Công ty thông báo công khai trước đó.
 - b. Trong thời gian biểu quyết, tùy theo thuộc tính của hệ thống điện tử và quy định chi tiết của Quy chế tổ chức kỳ đại hội tương ứng đó, đại biểu có thể thay đổi, chọn lại kết quả biểu quyết nếu có những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội hoặc có những điều chỉnh đối với nội dung biểu quyết. Tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử, hệ thống chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết cuối cùng mà Đại Biểu xác nhận trên hệ thống.
 - c. Trường hợp đại biểu tham dự trực tuyến dừng kết nối trước thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử tại ngày diễn ra Đại hội thì chỉ các nội dung nào đại biểu đã thao tác bỏ phiếu thành công sẽ được hệ thống điện tử ghi nhận để tiến hành kiểm phiếu. Nếu đại biểu kịp kết nối lại trước khi kết thúc thời gian bỏ phiếu thì đại biểu có thể tiếp tục thực hiện thao tác bỏ phiếu đối với đợt bỏ phiếu đang dang dở đó và biểu quyết các nội dung còn lại mà Đại hội chưa tiến hành biểu quyết theo sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.

Điều 14. Nguyên tắc và cách thức kiểm phiếu tại Đại hội trực tuyến

1. Kết quả bỏ phiếu điện tử trong thời gian thực hiện bỏ phiếu điện tử được thống kê, tính toán và trích xuất từ hệ thống điện tử. Ban kiểm phiếu do Đại hội thông qua là người tiếp nhận các thông tin kết quả bỏ phiếu điện tử.
2. Đối với Đại hội trực tuyến kết hợp trực tiếp, kết quả kiểm phiếu được tổng hợp từ cả hai hình thức bỏ phiếu điện tử và bỏ phiếu trực tiếp. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm đếm phiếu biểu quyết thực hiện theo phương thức bỏ phiếu trực tiếp và thực hiện thao tác tổng hợp để xác định kết quả cuối cùng.
3. Kết quả kiểm phiếu được ghi nhận tại Biên bản kiểm phiếu, có hiệu lực và giá trị pháp lý khi được ký xác nhận bởi Trưởng Ban kiểm phiếu.

Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu tại Đại hội trực tuyến

1. Nghị quyết Đại hội được thông qua khi đạt đủ tỷ lệ tán thành theo quy định tại Điều 21 Điều lệ.
2. Căn cứ biên bản kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi Đại hội bế mạc.

Điều 16. Lập biên bản họp và công bố nghị quyết Đại hội trực tuyến

1. Địa điểm tổ chức được ghi trong Biên bản họp Đại hội trực tuyến là địa điểm Chủ tọa có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Biên bản họp và nghị quyết Đại hội trực tuyến được lập và thông qua theo các quy định của pháp luật và phù hợp với Điều lệ, Quy chế quản trị và Hướng dẫn này.

Điều 17. Lưu hồ sơ cuộc họp

Công ty lưu tất cả các hồ sơ, chứng từ có liên quan phát sinh trong Đại hội theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ hiện hành của Công ty, bao gồm cả những hồ sơ, chứng từ

được thực hiện bằng bản điện tử được truy xuất từ hệ thống điện tử và bản giấy (nếu có).

Điều 18. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị

1. Toàn quyền lựa chọn (tổ chức cung cấp) phần mềm/hệ thống, cung cấp dữ liệu để hỗ trợ thực hiện cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
2. Triển khai thực hiện và ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể, chi tiết nội dung Hướng dẫn này trong trường hợp cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn các hướng dẫn chi tiết về cách thức đăng nhập, đăng ký tham dự trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phù hợp với loại hình hệ thống điện tử Công ty lựa chọn.
3. Trên cơ sở xem xét thực tế áp dụng, toàn quyền thành lập đội ngũ hỗ trợ đại biểu thực hiện các thao tác đăng nhập, đăng ký tham dự trực tuyến, bỏ phiếu điện tử để đảm bảo đại biểu có thể tiếp cận và thực hiện các quyền của mình một cách nhanh chóng, thuận tiện.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Thông tin cá nhân

Họ và tên: **BÙI HOÀNG TUẤN**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 26/10/1963

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

CCCD số: 027063000137 Cấp ngày: 15/09/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Hộ khẩu thường trú: Xã Minh Tân, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ liên hệ: Phòng 4 Nhà R khu tập thể đường sắt, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.3974 7979

Email:

2. Trình độ học vấn:

Kỹ sư điện – Thạc Sĩ QTKD

3. Kinh nghiệm công việc

STT	Thời gian công tác	Đơn vị công tác
1	Từ 1979 đến 1983	Nghĩa vụ quân sự đóng tại Cao Bằng.
2	Từ 1983 đến 1985	Công tác tại Công ty xây dựng số 1 tỉnh Hà Bắc.
3	Từ 1985 đến 1990	Sinh viên trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
4	Từ 1990 đến 1997	Công tác tại Công ty điện lực TP Hà Nội
5	Từ 1997 đến 2012	Công tác tại Công ty CP Alphanam Cơ điện
6	Từ 2012 đến nay	Công tác tại Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)



Bùi Hoàng Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Thông tin cá nhân

Họ và tên: **Nguyễn Anh Quân**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/08/1995

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

CMND số: 001095018806

Cấp ngày: 19/12/2019

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư Trú về dân cư

Hộ khẩu thường trú: 147 Bạch Mai, phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

2. Trình độ học vấn:

Cử nhân kinh tế Đại học Phương Đông

3. Kinh nghiệm công việc

STT	Thời gian công tác	Đơn vị công tác
1	2017 - 2018	Chi nhánh công ty cổ phần Đầu tư Alphanam tại Định Công
2	2018- Nay	Công ty cổ phần Virex

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Người khai



Nguyễn Anh Quân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Thông tin cá nhân

Họ và tên: **NGUYỄN MINH NHẬT** Giới tính: Nam
Sinh ngày: 11/01/1988 Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
CCCD số: 001088006037 Cấp ngày: 27/04/2021
Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Hộ khẩu thường trú: 112 Mai Hắc Đế, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Địa chỉ liên hệ: 112 Mai Hắc Đế, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Điện thoại: 024.3974 7979
Email:

2. Trình độ học vấn:

Thạc sỹ Tài chính

3. Kinh nghiệm công việc

	Thời gian	Tên tổ chức
1	2013 – đến nay	Công ty Cổ phần Alphanam
2	2015 – đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày *30* tháng *3* năm 2023

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Minh Nhật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Thông tin cá nhân

Họ và tên: **Nguyễn Thị Hải Yến**

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 7/4/1990

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: không

CCCD số: 040190041071

Cấp ngày: 01/11/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Hộ khẩu thường trú: Xã Thanh Tân, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 4, Khu tập thể Binh đoàn 12, xã Đại Mỗ, Quận Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Email: yennth@alphanam.com

2. Trình độ học vấn:

Cử nhân kinh tế Học viện Tài chính

3. Kinh nghiệm công việc

STT	Thời gian công tác	Đơn vị công tác
1	2013-2015	Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh – Trợ lý kiểm toán viên
2	2016-2017	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Châu Á – Trưởng nhóm kiểm toán
3	2017-2018	Công ty TNHH Tổng công ty Hòa Bình Minh – Chuyên viên kế toán kiểm soát
4	2018 - Nay	Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Người khai



Nguyễn Thị Hải Yến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Thông tin cá nhân

Họ và tên: **Đàm Văn Hán**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 26/06/1982

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: không

CCCD số: 001082021956

Cấp ngày: 19/04/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Hộ khẩu thường trú: Bùi Xá, Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Bùi Xá, Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội.

Điện thoại: 0984317998

Email: Handv@alphanam.com

2. Trình độ học vấn: Đại học

3. Kinh nghiệm công việc

STT	Thời gian công tác	Đơn vị công tác
1	2009-2010	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển đông đô 1 - BQP
2	2011-2012	Công ty TNHH TM và XD Hà Quỳnh
3	2012-2015	Công ty CP Cơ điện và XD Việt Nam
4	2015-2019	Tập đoàn Eurowindow
5	2019-2020	Tập đoàn Monza Group
6	2021 – Nay	Tập đoàn Alphanam

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội..., ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)


Đàm Văn Hán

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

V/v Từ nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát

Kính gửi: - **Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Alphanam E&C**
- **Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Alphanam E&C**
- **Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Alphanam E&C**

Tôi tên là: **Lê Thị Tươi**, là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Alphanam E&C.

Vì lý do cá nhân nên không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Alphanam E&C.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát chấp thuận cho tôi được từ nhiệm chức vụ Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Alphanam E&C kể từ ngày **.30..tháng ..03. năm 2023.**

Rất mong Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát chấp thuận Đơn xin từ nhiệm của tôi.

Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 30 tháng .3. năm 2023

Người làm đơn



LÊ THỊ TƯƠI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

---o0o---

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Alphanam E&C
-Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Alphanam E&C

Tên tổ chức đề cử : Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

- Là cổ đông của Công ty Cổ phần Alphanam E&C
- Số GCNĐKKD/CCCD/CMND: 0900191660 cấp lần đầu ngày 30/11/2001 tại Phòng ĐKKD – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
- Người đại diện (Nếu là tổ chức): Nguyễn Minh Nhật
- Số cổ phần sở hữu (1): 54.120.210... cổ phần.
- Chiếm: ... 83,11% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Alphanam E&C

Sau khi nghiên cứu Quy định về tham gia đề cử/ứng cử Thành viên Ban kiểm soát trong Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, Tôi/Chúng tôi đáp ứng được các điều kiện được nêu tại các quy định nói trên. Do đó Tôi/Chúng tôi đề cử đại diện/ứng cử tham gia vào Thành viên Ban kiểm soát trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Alphanam E&C được tổ chức ngày 25 tháng 04 năm 2023 theo thông tin như sau:

Đề cử:

Ông Đàm Văn Hán

Sinh ngày: 26/06/1982

Quốc tịch: Việt Nam

CCCD số: 001082021956

Ngày cấp: 19/04/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Hộ khẩu thường trú: Bùi Xá, Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội.

Đề bầu bổ sung vào Ban Kiểm soát Công ty.

Trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên (theo mẫu);
- Bản sao hợp lệ Hộ khẩu thường trú/Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương của ứng cử viên;
- Bản sao hợp lệ Chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu của ứng cử viên.
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng cử viên.

Hưng Yên, ngày 30 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ALPHANAM



BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Cho kỳ kế toán từ ngày 13/05/2022 đến ngày 30/09/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Thu được từ phát hành 40.000.000 cổ phiếu phổ thông theo phương thức chào bán riêng lẻ cho Ông Nguyễn Minh Nhật và Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

(đã được kiểm toán)

(

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tình hình sử dụng vốn	06 - 09
Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn	10 - 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Alphanam E&C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành 40.000.000 cổ phiếu phổ thông theo phương thức chào bán riêng lẻ cho Ông Nguyễn Minh Nhật và Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam của Công ty.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Alphanam E&C được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100520683 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 06 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 3, Số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Nhật	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Quân	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trương Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Âu Thiên Hương	Phó Tổng Giám đốc

(Miễn nhiệm ngày 01/08/2022)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Bùi Kim Yến	Trưởng ban
Bà Lê Thị Tươi	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu phổ thông cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu phổ thông (Báo cáo tình hình sử dụng vốn) một cách trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình sử dụng vốn của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn của Công ty, phù hợp với các chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trương Thị Thu Hiền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Số: 211122.003/BCTC.KT7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Alphanam E&C**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành 40.000.000 cổ phiếu phổ thông theo phương thức chào bán riêng lẻ cho Ông Nguyễn Minh Nhật và Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam kèm theo của Công ty Cổ phần Alphanam E&C được lập ngày 21 tháng 11 năm 2022, từ trang 06 đến trang 11, bao gồm: Báo cáo tình hình sử dụng vốn và Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn được Ban Tổng Giám đốc Công ty lập phù hợp với các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty theo các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các thông tin tài chính trình bày trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành 40.000.000 cổ phiếu phổ thông theo phương thức chào bán riêng lẻ cho Ông Nguyễn Minh Nhật và Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn của Công ty Cổ phần Alphanam E&C phù hợp với cơ sở lập Báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn.



Cơ sở kế toán và giới hạn về đối tượng nhận Báo cáo kiểm toán

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn mô tả cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập để giúp Công ty Cổ phần Alphanam E&C đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, Báo cáo tình hình sử dụng vốn này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Ngọc Lân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1427-2018-002-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Đoàn Thị Thuý

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0937-2018-002-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

THU ĐƯỢC TỪ PHÁT HÀNH 40.000.000 CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG THEO PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN RIÊNG LẺ CHO ÔNG NGUYỄN MINH NHẬT VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

I. Thông tin chung về đợt phát hành cổ phiếu

TT	Nội dung	Thông tin
1	Tên cổ phiếu chào bán	: Cổ phiếu phổ thông Công ty Cổ phần Alphanam E&C
2	Mã cổ phiếu	: AME
3	Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
4	Mệnh giá	: 10.000 đồng/Cổ phiếu
5	Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán	: 40.000.000 cổ phiếu
	Trong đó	
	Cổ phiếu phổ thông	: 40.000.000 cổ phiếu
	Cổ phiếu ưu đãi	: 0 cổ phiếu
6	Tổng khối lượng cổ phiếu huy động theo mệnh giá	: 40.000.000 cổ phiếu
7	Mục đích huy động vốn	: (i) Thanh toán gốc và lãi vay ngân hàng, (ii) Thanh toán các khoản phải trả nhà cung cấp vật tư, hàng hóa xây lắp công trình.
8	Hình thức chào bán	: Chào bán riêng lẻ
9	Thời hạn nộp tiền	: Từ ngày 16 tháng 05 năm 2022 đến 16 tháng 07 năm 2022
10	Ngày hoàn thành	: 31 tháng 05 năm 2022
11	Vốn điều lệ trước khi phát hành	: 252.000.000.000 đồng
12	Tổng số cổ phiếu đã bán	: 40.000.000 cổ phiếu
13	Giá bán	: 10.000 đồng/Cổ phiếu
14	Thành tiền	: 400.000.000.000 đồng
15	Chi phí phát hành	: 194.400.000 đồng
16	Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu	: 400.000.000.000 đồng
17	Vốn điều lệ sau khi phát hành	: 652.000.000.000 đồng

II. Số tiền ròng thu được từ phát hành cổ phiếu

Tổng thu từ phát hành	400.000.000.000
Số lượng cổ phiếu chào bán (cổ phiếu)	40.000.000
Giá bán (VND/cổ phiếu)	10.000
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	400.000.000.000

III. Kế hoạch sử dụng vốn theo phương án phát hành

a) Văn bản pháp lý

- Tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên của Hội đồng quản trị số 10/2022/TTtr/AME-HĐQT ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 139/2022/NQ/AME/ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 274/2022/NQ.E&C.HĐQT ngày 25 tháng 03 năm 2022 về việc thông qua danh sách dự kiến các nhà đầu tư được chào bán;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 276/2022/NQ.E&C.HĐQT ngày 25 tháng 03 năm 2022 về việc thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
- Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Alphanam E&C gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước số 302/2022/AME ngày 25 tháng 03 năm 2022;

- Công văn số 2768/UBCK-QLCB ngày 12 tháng 05 năm 2022 của Ủy ban chứng khoán nhà nước về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ AME;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 556/2022/NQ.E&C.HĐQT ngày 13 tháng 05 năm 2022 về việc triển khai một số công việc để chào bán cổ phần phát hành riêng lẻ;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 646/2022/NQ/E&C-HĐQT ngày 31 tháng 05 năm 2022 về việc tổng kết đợt chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- Báo cáo của Công ty Cổ phần Alphanam E&C số 649/2022AME-BC ngày 31 tháng 05 năm 2022 về kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
- Công văn số 3339/UBCK-QLCB ngày 01 tháng 06 năm 2022 của Ủy ban chứng khoán nhà nước về báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ AME;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 688/2022/NQ.E&C.HĐQT ngày 01 tháng 06 năm 2022 về việc thay đổi phương án sử dụng vốn chi tiết số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
- Báo cáo của Công ty Cổ phần Alphanam E&C số 689/2022/AME-BC ngày 01 tháng 06 năm 2022 về thay đổi phương án sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành.

b) Kế hoạch sử dụng vốn

- Tổng số tiền huy động thành công từ đợt phát hành là 400.000.000.000 đồng. Kế hoạch sử dụng số tiền huy động thành công từ đợt phát hành: Tăng quy mô vốn hoạt động để đảm bảo nguồn vốn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư hiện có của Công ty.

IV. Báo cáo phương án và tình hình sử dụng vốn.

I. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng trong năm 2022 theo kế hoạch đã công bố của Công ty

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022, Công ty đã được các cổ đông phê duyệt kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 139/2022/NQ/AME/ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022.

Theo Nghị quyết số 276/2022/NQ.E&C.HĐQT ngày 25 tháng 03 năm 2022 về việc thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, theo đó, nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng trong năm 2022 được sử dụng vào các mục đích như sau:

Mục đích sử dụng	Giá trị VNĐ
1. Trả gốc và lãi vay Ngân hàng	170.056.000.000
1.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình	64.034.000.000
1.2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	34.680.000.000
1.3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh	67.274.000.000
1.4. Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Hà Nội	4.066.000.000
1.5. Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	1.000.000
1.6. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	1.000.000
2. Trả các hợp đồng cung cấp vật tư, hàng hóa xây lắp công trình	229.944.000.000
2.1. Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	14.710.000.000
2.2. Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng và Cảnh quan Fanxipăng	13.050.000.000
2.3. Công ty TNHH MTV Gama	13.011.000.000
2.4. Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Lắp đặt Zeta	15.430.000.000
2.5. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	98.196.000.000
2.6. Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	75.547.000.000
Tổng cộng	400.000.000.000

Sau đó, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 688/2022/NQ.E&C.HĐQT ngày 01 tháng 06 năm 2022 về việc thay đổi phương án sử dụng vốn chi tiết số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong năm 2022 như sau:

Mục đích sử dụng	Giá trị VND
1. Trả gốc và lãi vay Ngân hàng	169.861.600.000
1.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình	42.065.000.000
1.2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	15.625.000.000
1.3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh	109.309.600.000
1.4. Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Hà Nội	2.860.000.000
1.5. Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	1.000.000
1.6. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	1.000.000
2. Trả các hợp đồng cung cấp vật tư, hàng hóa xây lắp công trình	229.944.000.000
2.1. Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	14.710.000.000
2.2. Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng và Cảnh quan Fanxipăng	13.050.000.000
2.3. Công ty TNHH MTV Gama	13.011.000.000
2.4. Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Lắp đặt Zeta	15.430.000.000
2.5. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	98.196.000.000
2.6. Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	75.547.000.000
3. Chi phí phát hành cổ phiếu	194.400.000
Tổng cộng	400.000.000.000

Lý do thay đổi phương án sử dụng vốn: Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Tình hình thực tế sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng trong năm 2022 tính đến ngày 30/09/2022

Công ty đã sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán để thực hiện thanh toán gốc và lãi vay ngân hàng, thanh toán các Hợp đồng cung cấp vật tư, hàng hóa xây lắp công trình và các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 139/2022/NQ/AME/ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 và Nghị quyết số 688/2022/NQ.E&C.HĐQT ngày 01 tháng 06 năm 2022 về việc thay đổi phương án sử dụng vốn. Đến thời điểm 30/09/2022 tình hình sử dụng vốn thực tế của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN
THU ĐƯỢC TỪ PHÁT HÀNH 40.000.000 CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG THEO PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN
RIÊNG LẺ CHO ÔNG NGUYỄN MINH NHẬT VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Alphanam E&C được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100520683 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 06 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 3, Số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư xây dựng và kinh doanh phát triển nhà, cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, Phương tiện vận chuyển);
- Các ngành nghề kinh doanh khác đã quy định cụ thể tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

2.1 Cơ sở lập báo cáo tình hình sử dụng vốn

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu phổ thông của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc thực thu thực chi phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

2.2 Kỳ báo cáo

Kỳ lập báo cáo tình hình sử dụng vốn từ ngày 13/05/2022 đến ngày 30/09/2022.

2.3 Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu phổ thông của Công ty chỉ được dùng để báo cáo tình hình sử dụng vốn theo Nghị quyết số 139/2022/NQ/AME/ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu phổ thông và Nghị quyết số 274/2022/NQ.E&C.HĐQT ngày 25 tháng 03 năm 2022 về việc thông qua danh sách dự kiến các nhà đầu tư được chào bán.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập để giúp Công ty Cổ phần Alphanam E&C đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

3. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tình hình sử dụng vốn đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn này.



Bùi Thị Thúy Hà

Người lập

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2022



Nguyễn Văn Trường

Kế toán trưởng



Trương Thị Thu Hiền

Tổng Giám đốc